QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, MỐI LIÊN HỆ VÙNG TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ BÌNH AN TRONG NƯỚC

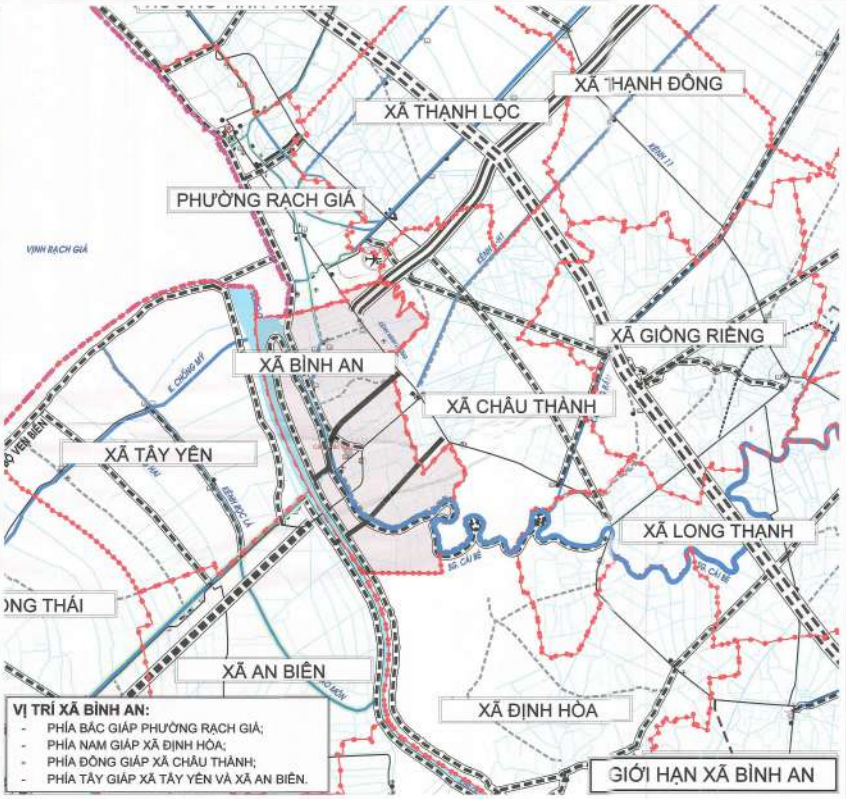

VỊ TRÍ XÃ BÌNH AN:

- PHÍA BẮC GIÁP PHƯỜNG RẠCH GIÁ;
- PHÍA NAM GIÁP XÃ ĐỊNH HÒA;
- PHÍA ĐÔNG GIÁP XÃ CHÂU THÀNH;
- PHÍA TÂY GIÁP XÃ TÂY YÊN VÀ XÃ AN BIÊN.

GIỚI HẠN XÃ BÌNH AN



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ BÌNH AN TRONG TỈNH AN GIANG

THUYẾT MINH:

*** TÊN ĐỒ ÁN:** QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050, TỶ LỆ 1/10000.

*** VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH:**

- XÃ BÌNH AN NẰM PHÍA TÂY NAM TỈNH AN GIANG, CÓ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ NHƯ SAU:
  + PHÍA BẮC GIÁP PHƯỜNG RẠCH GIÁ;
  + PHÍA NAM GIÁP XÃ ĐỊNH HÒA;
  + PHÍA ĐÔNG GIÁP XÃ CHÂU THÀNH;
  + PHÍA TÂY GIÁP XÃ TÂY YÊN VÀ XÃ AN BIÊN.
- QUY MÔ VÀ DÂN SỐ:
  + QUY MÔ DIỆN TÍCH QUY HOẠCH: 7.342,93 HA.
  + DÂN SỐ HIỆN TRẠNG: 61.678 NGƯỜI.

*** MỤC TIÊU QUY HOẠCH:**

- MỤC TIÊU CHUNG:
  + PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG, GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, ĐẢM BẢO AN NINH QUỐC PHÒNG, GIỮ GÌN PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI.
  + GẮN VỚI QUÁ TRÌNH ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC, GẮN VỚI XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP - TTCN, DỊCH VỤ THEO QUY HOẠCH.
  + NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN VỚI ĐIỀU KIỆN TIỆN NGHI, GIẢM DẦN KHOẢNG CÁCH VỚI CUỘC SỐNG ĐÔ THỊ.
  + PHÒNG CHỐNG VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.
- MỤC TIÊU CỤ THỂ:
  + QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN NHẰM CỤ THỂ HOÁ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA QUY HOẠCH TỈNH, QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG VÀ LÀ CƠ SỞ LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN VÀ LẬP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.
  + QUY HOẠCH KHÔNG GIAN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN VỀ KINH TẾ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ.
  + BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI XÃ.
  + LÀM CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT TRIỂN CÁC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG. PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ KIỂM SOÁT PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP.
  + HÌNH THÀNH THIẾT CHẾ TRONG VIỆC XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN TRÊN CƠ SỞ CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH KHẢ THI, TÍNH BỀN VỮNG TRONG XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN XÃ.

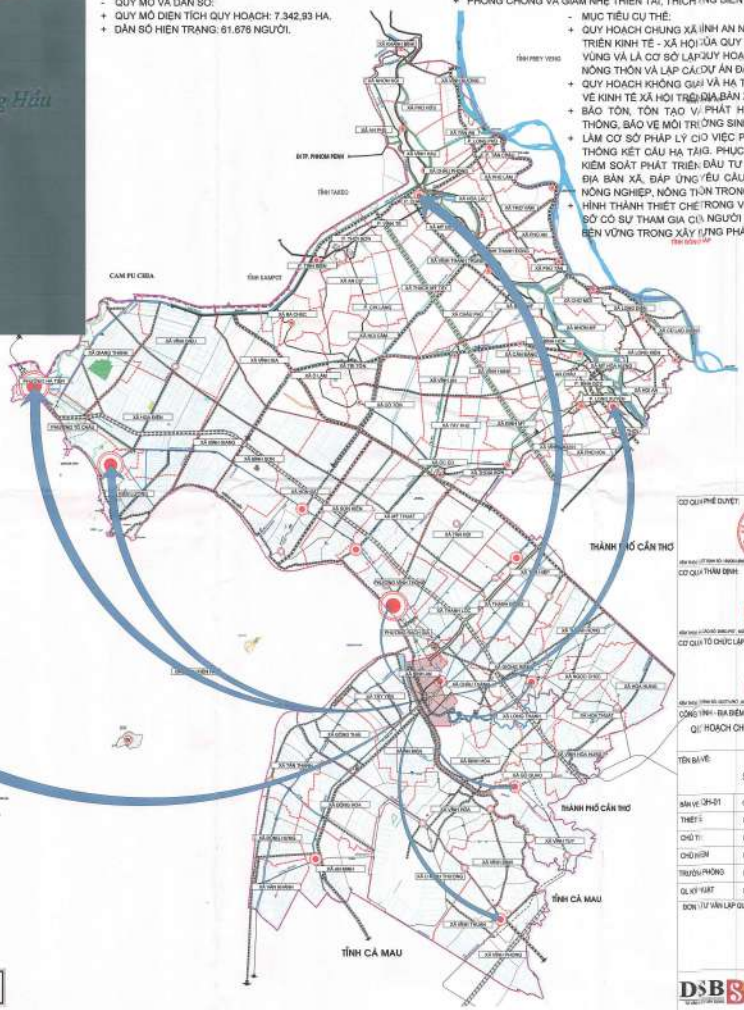

KÝ HIỆU:

- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH XÃ, PHƯỜNG
- KÊNH SÔNG
- RANH QUỐC GIA
- RANH TỈNH
- RANH XÃ, PHƯỜNG
- RANH ẤP

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ BÌNH AN TRONG TỈNH AN GIANG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN Nguyễn Thanh Luân
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:	PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN TRƯỞNG PHÒNG Danh Phương
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:	PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN TRƯỞNG PHÒNG Danh Phương
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:	QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050
TÊN BẢN VẼ:	SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, MỐI LIÊN HỆ VÙNG
BẢN VẼ: QH-01	KHỔ: 1 x A0 — TỶ LỆ: 1/10.000 — NGÀY: 7/2025
THIẾT KẾ	KTS. DANH TÍNH
CHỦ TRÌ	KTS. DANH TÍNH
CHỦ NHIỆM	KTS. DANH TÍNH
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN MINH KHOA
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN MINH KHOA
ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH	ĐẶNG MINH BẰNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DSB KIÊN GIANG

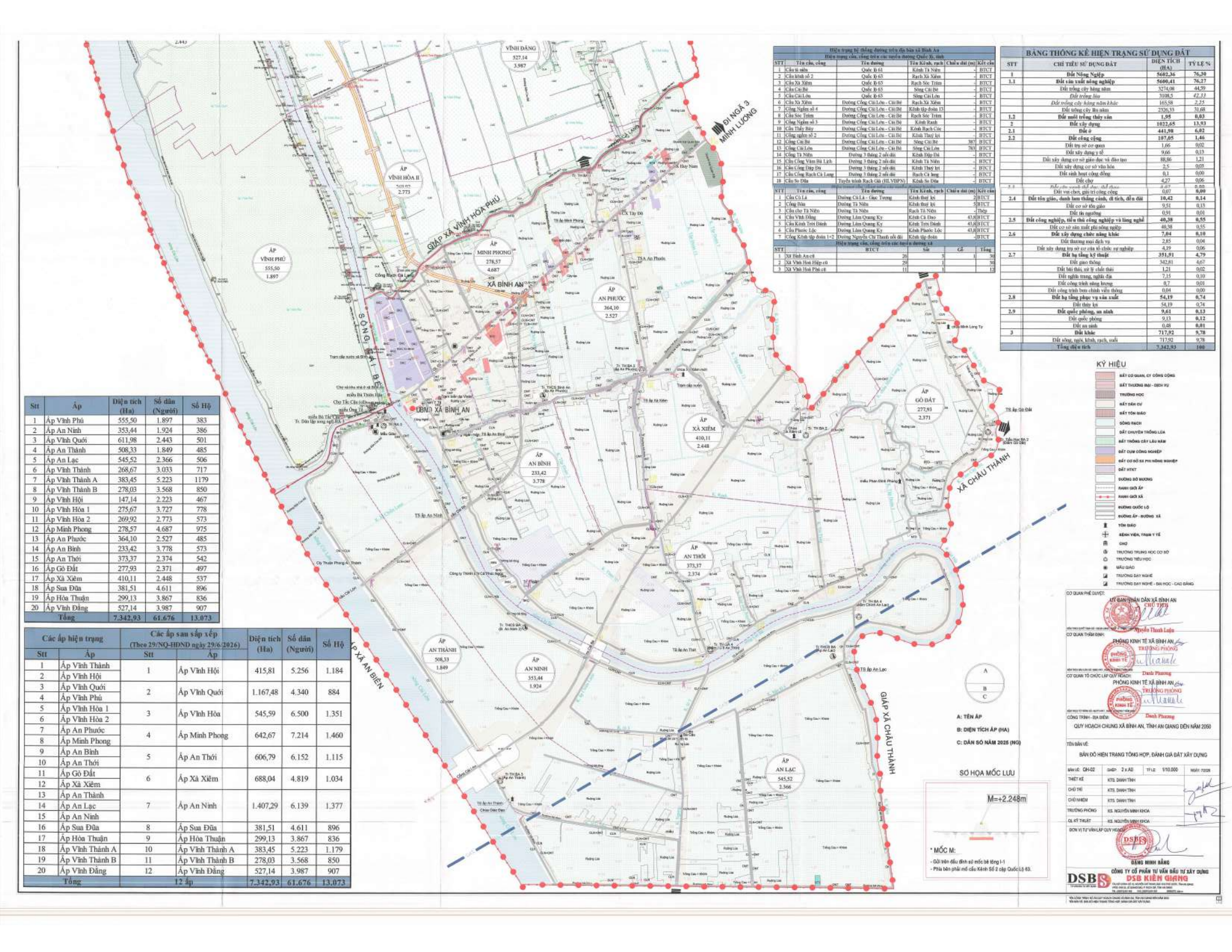
XÃ BÌNH AN
XÃ CHÂU THÀNH
GIÁP XÃ VĨNH HÒA PHÚ
GIÁP XÃ CHÂU THÀNH
GIÁP XÃ AN BIÊN
SÔNG CÁI LỚN
SÔNG CÁI BÉ
ĐI NGÃ 3 MINH LƯƠNG
ỦBND XÃ BÌNH AN
ẤP VĨNH HÒA II
501,07
2.773
ẤP VĨNH ĐĂNG
327,14
3.987
ẤP VĨNH PHÚ
555,50
1.897
ẤP MINH PHONG
278,57
4.687
ẤP AN PHƯỚC
364,10
2.527
ẤP AN BÌNH
233,42
3.778
ẤP XÀ XIÊM
410,11
2.448
ẤP GÒ ĐẤT
277,93
2.371
ẤP AN THỜI
373,37
2.374
ẤP AN THẠNH
508,33
1.849
ẤP AN NINH
353,44
1.924
ẤP AN LẠC
545,52
2.566
TS ấp An Phước
TS ấp Gò Đất
TS ấp An Lạc
TS ấp An Ninh
TS ấp An Thạnh
TS ấp An Thới
TS ấp Xà Xiêm
Trường THCS Bình An (ấp An Phước)
Trường THCS BA (ấp An Ninh 2)
Trường TH BA 2 (ấp Gò Đất)
Trường TH BA 3 (ấp An Thạnh)
Trường TH BA 4 (điểm Chính An Lạc)
Trường TH BA 5 (ấp An Thới)
Trường TH BA 6 (ấp An Ninh)
Trạm cấp nước số 8 Bình An
Chợ Tắc Cậu (Chợ Bình An)
Chùa Giác Đạo
Chùa Minh Long Tự
Cầu Cái Lớn
Cầu Cái Bé
Cầu Kênh Trời Đánh
Cầu Phước Lộc
Cầu Vĩnh Đăng
Cầu Tà Niên
Cầu Xà Xiêm
Cầu Sóc Trăng
Cầu Cái Bé
Cầu Cái Lớn
Cầu Ngầm số 4
Cầu Ngầm số 3
Cầu Thầy Bảy
Cầu ngầm số 2
Cầu Cái Bé
Cầu Cái Lớn
Cầu Tà Niên
Cầu Công Đập Đá
Cầu Công Rạch Cà Lang
Cầu So Đũa
Cầu Cái Lớn
Cầu Tà Niên
Cầu Vĩnh Đăng
Cầu Kênh Trời Đánh
Cầu Phước Lộc
Cầu Cái Lớn
Cầu Cái Bé
Cầu Cái Lớn

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000

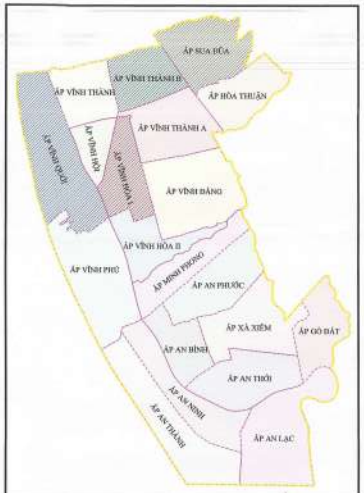

RANH GIỚI HIỆN TRẠNG CÁC ẤP

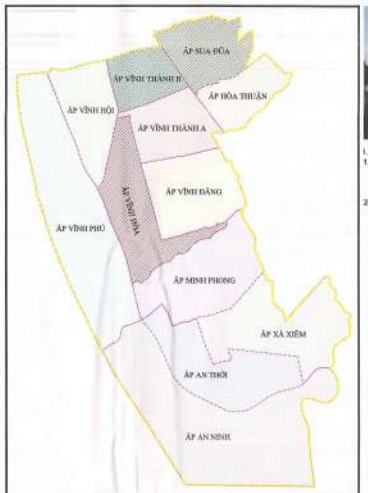

RANH GIỚI CÁC ẤP SAU SẮP XẾP
THEO NGHỊ QUYẾT 29/NQ-HĐND NGÀY 29 THÁNG 6 NĂM 2026



I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

1. HIỆN TRẠNG KIẾN TRÚC CẢNH QUAN:
- CẢNH QUAN ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ BÌNH AN LÀ HỆ THỐNG SÔNG CÁI LỚN - CÁI BÉ CÙNG HỆ THỐNG KÊNH THỦY LỢI, RANH GIỚI XÃ ĐƯỢC PHÂN CHIA BỞI SÔNG CÁI LỚN, RẠCH XÁ XIÊM, KÊNH VÀM CÂY THỊ, KÊNH KIỂM...
- CẢNH QUAN KIẾN TRÚC: XÃ CHƯA CÓ MỘT SỐ CÔNG TRÌNH ĐẶC TRƯNG: VÍ DỤ NHƯ BẾN XE TỈNH AN GIANG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG, BỆNH VIỆN LAO TỈNH AN GIANG, CÔNG CÁI BÉ - CÁI LỚN. .....
- CẢNH QUAN SẢN XUẤT: CHỦ YẾU LÀ SẢN XUẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP, CHẾ BIẾN THỦY SẢN, TRỒNG LÚA NƯỚC VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN....

2. HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI:
- TRỤ SỞ CƠ QUAN BAN NGÀNH:
+CÁC CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH BAO GỒM: UBND XÃ BÌNH AN, TRẠM Y TẾ VÀ TRỤ SỞ CÁC ẤP. (CÒN 3 XÃ CŨ VĨNH HÒA PHÚ, VĨNH HÒA HIỆP VÀ BÌNH AN).
+CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG BAO GỒM: BƯU ĐIỆN, CHỢ, TRUNG TÂM VĂN HÓA, TRẠM CẤP NƯỚC,...
- GIÁO DỤC:
- SO VỚI MẶT BẰNG CHUNG TOÀN XÃ CÓ 15 TRƯỜNG, TRONG ĐÓ CÓ 4 TRƯỜNG THCS, 8 TRƯỜNG TIỂU HỌC, 3 TRƯỜNG MẦM NON (CÓ 4 TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA CẤP 1).
- Y TẾ: TOÀN XÃ CÓ 20 ẤP ĐỀU CÓ TỔ Y TẾ, CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA, TRẠM Y TẾ XÃ ĐỀU ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA.
- CÔNG TRÌNH DI TÍCH, TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG:
+DI TÍCH: KHU CĂN CỨ HUYỆN ỦY TOẠ LẠC TẠI ẤP AN NINH;
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG: TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CÓ 23 CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG, 7 CHÙA, 01 THÁNH THẤT CAO ĐÀI BẠCH Y
- CẤP NƯỚC:
+HIỆN TẠI XÃ BÀ CÓ 4 TRẠM CẤP NƯỚC TẬP TRUNG ĐANG SỬ DỤNG, MỘT TRẠM TẠI TÁC CẦU CẤP NƯỚC CHO ẤP MINH PHONG, AN BÌNH VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP CẢNG CÁ TẮC CẬU; TRẠM CẤP NƯỚC XÁ XIÊM CẤP CHO ẤP XÁ XIÊM VÀ ẤP AN PHƯỚC, MỘT TRẠM CẤP NƯỚC CHO VĨNH HÒA HIỆP (CŨ), MỘT TRẠM CẤP NƯỚC CHO VĨNH HÒA PHÚ (CŨ)
+MỘT SỐ KHU VỰC HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CHƯA PHỦ, NGƯỜI DÂN SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC KẾT HỢP NHƯ: NƯỚC MƯA, NƯỚC GIẾNG KHOAN GẦN BOM TAY VÀ NGUỒN NƯỚC MẶT THÔNG QUA HỆ THỐNG LẮNG LỌC.
- NHÀ Ở: TẬP TRUNG DỌC THEO CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ, TUYẾN KÊNH (NGOẠI KHU TRUNG TÂM XÃ), CHỦ YẾU LÀ KIẾN TRÚC NHÀ VƯỜN, KHU VỰC TRUNG TÂM CÓ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG HIỆN ĐẠI THEO KIỂU NHÀ LIÊN KẾ.
- HIỆN TRẠNG CÔNG VIÊN CÂY XANH: HỆ THỐNG CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN.
- THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ: ĐẾN THỜI ĐIỂM 1/10/2021 XÃ CÓ 906 CƠ SỞ KINH DOANH VÀ 117 DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ ĐANG HOẠT ĐỘNG.
3. CÁC DỰ ÁN ĐANG KÝ THỰC HIỆN, DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAO ĐẤT VÀ CHO THUÊ ĐẤT TRONG 2025
- DỰ ÁN ĐANG KÝ THỰC HIỆN TRONG 2025
+DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHỐ GIA PHÁT CHÂU THÀNH, THUỘC XÃ BÌNH AN, QUY MÔ 5,48HA
- DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT:
+DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG, PHÚ QUỚI, QUY MÔ 11,54HA
+CÔNG ÂU THUYỀN VÀM BÀ LỊCH, QUY MÔ 4,82HA
+CÔNG RẠCH TÀ NIÊN, QUY MÔ 1,7HA
+CÔNG ĐẬP ĐÁ, QUY MÔ 0,28HA
+CÔNG SỐC TRĂM TRÊN ĐÊ BAO BẮC SÔNG CÁI BÉ, QUY MÔ 0,4HA
+MỞ RỘNG KHU HẬU CẦN CƠ HUYỆN ỦY CHÂU THÀNH (CŨ), QUY MÔ 0,37HA
+ TRƯỜNG THCS BÌNH AN (ẤP AN PHƯỚC), QUY MÔ 1,77HA

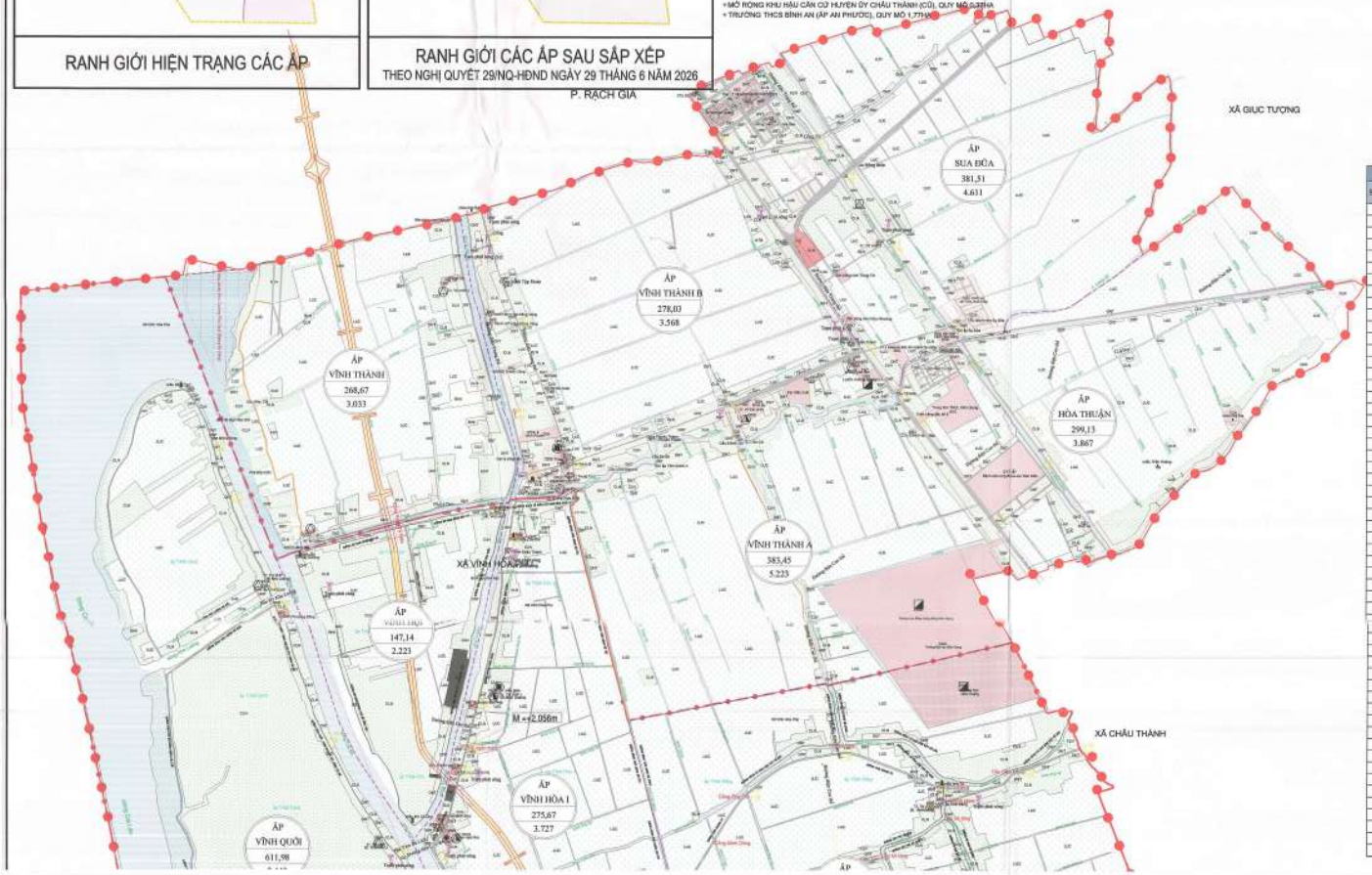

BẢNG THỐNG KÊ KÊNH RẠCH HIỆN TRẠNG BÌNH AN

STT	Tên Sông, Kênh, Rạch	Chiều Dài (Km)	Chiều rộng (m)
1	Sông cái Lớn	20,76	250-270
2	Sông cái Bé	20,09	50-150
3	Kênh Hậu Lộ 5	3,61	8-13
4	Kênh Tư	3,32	8-12
5	Kênh Kiểm	3,33	10-50
6	Kênh Xáng Mới	1,71	10-12
7	Kênh Ngang	2,84	4-10
8	Kênh Hào Dầu	1,62	8-12
9	Kênh Lộ 3	1,63	8-10
10	Kênh Ấp Chiến Lược	1,09	4-8
11	Kênh Lòng Tắc	1,21	10-24
12	Kênh Vàm Cây Thị	3,19	10-14
13	Kênh Chùa Cũ	1,68	4-6
14	Kênh chùa Minh Long Tự	1,26	5-12
15	Rạch Cò Lao	1,86	8-20
16	Kênh Tập Đoàn 1	1,54	10-12
17	Kênh 3 Ấp	1,65	4-10
18	Kênh Tư Tùng	3,47	5-12
19	Kênh Xẻo Ông Xuyến	1,42	3-12
20	Kênh Chùa Mới	1,85	6-25
21	Kênh Ranh (Thuộc ấp Xã Xiêm và Ấp An Thời)	1,62	6-10
22	Kênh Rạch Góc	1,81	10-30
23	Kênh Xẻo Thầy (Thuộc Ấp An Bình và Ấp An Thời)	1,58	8-10
24	Kênh Vàm Cây Thị	3,3	12-30
25	Kênh Tập Đoàn 13	2,81	4-8
26	Kênh Thủy Lợi (thuộc ấp An Bình và An Thời)	2,3	5-10
27	Kênh Hai Lộc	1,82	6-10
28	Kênh Ấp Chiến Lược	0,58	7-8
29	Kênh Tập Đoàn 3	1,5	5-8
30	Rạch Sóc Trăm	2,4	8-27
31	Kênh Tập Đoàn 13	2,6	3-9
32	Kênh Xáng Mới	1,4	9-12
33	Kênh Thủy Lợi (thuộc ấp An Phước)	0,75	4-9
34	Kênh Thủy Lợi (thuộc ấp Minh Phong)	0,87	4-6
35	Kênh 7 Thước	2,1	8-15
36	Rạch Xẻo Xiêm	3,56	8-16
37	Kênh Tập Đoàn 7	1,3	4-5
38	Kênh Bờ Bảng Vàng	0,81	3-12
39	Rạch Cà Lang	3,7	5-11
40	Kênh 2 Vinh	1	6-10
41	Kênh Lò Than	1,4	3-13
42	Rạch Tà Niên	6,9	12-24
43	Sông Tà Niên	3,81	30-70
44	Rạch Xẻo Nhỏ	1,9	5-23
45	Kênh Minh Lương	1,5	15-30
46	Kênh Cường Đế	1,1	10-40
47	Kênh Tà Bết	1,3	8-22
48	Kênh Sự Đôn	2	10-24
49	Sông Khe Luồn	1	32-82
50	Kênh Đập Đá	1,8	30-70
51	Kênh Phước Lộc	3,2	10-17
52	Kênh Trời Đánh	6,1	10-20
53	Kênh Đông	2,1	4-10
54	Kênh Ông Cò	2,7	7-20
55	Kênh Cà Đao	2,5	10-22
56	Kênh Xóm Việt	2,6	15-24

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU ĐẤT (m)	CHIỀU RỘNG (m)	KẾT CẤU
I	Quốc lộ và cao tốc			
1	Quốc lộ 63	3,02	8~12	BTN
2	Đường HLVB phía Nam	10,04	24	BTN
3	Đường Công Cái Lớn - Cái Bé	6,99	18~30	BTN
4	Quốc lộ 61	3,02	21	BTN
II	Đường Huyện			
1	Đường An Thới	1,78	3,5	BTN
2	Đường An Bình	2,03	3,5	BTN
3	Đường DH10 (Vĩnh Hòa Phục)	7	2,1	BTXM
4	Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài (Lộ cửa vàm)	1,8	4~5	BTN
5	Đường Cù Lá - Giục Tượng	1	2,5~4	BTXM
6	Đường Tà Niên	2,3	4~5	BTN
III	Đường Xã			
1	Đường Cà Lang	3,78	3	BTXM
2	Đường An Phước (bờ Đông)	1,57	4,5-5,5	BTXM
3	Đường Kênh Xáng Mới (bờ Bắc)	1,4	5	BTXM
4	Đường kênh Rạch Xã Xiêm	0,86	3	BTXM
5	Đường kênh Rạch Sóc Trăm (bờ Bắc)	1,31	3~11	BTXM
6	Đường kênh Xáng Mới (bờ Nam)	1,43	3	BTXM
7	Đường cầu Phước Lộc (chưa có)	1,81	3	BTXM
8	Đường kênh Rạch Sóc Trăm (bờ Nam)	2,57	3,5-5	BTXM
9	Đường kênh Chùa Mới (bờ Tây)	0,74	5	BTXM
10	Đường kênh Chùa Mới (bờ Đông)	1,41	3	BTXM
11	Đường cống số 2 đi chùa	0,6	6	BTXM
12	Đường Rạch Gốc (bờ Đông)	1,11	3	BTXM
13	Đường Rạch Gốc (bờ Tây)	0,54	3	BTXM
14	Đường kênh Xẻo Thầy Bày (bờ Bắc)	1,45	3	BTXM
15	Đường Gò Đất	1,63	3,5-9,5	BTXM
16	Đường Rạch Cò Lục	1,94	3,5-6,5	BTXM
17	Đường kênh Xẻo Thầy Bày (bờ Nam)	1,44	3	BTXM
18	Đường Rạch Gốc (bờ Đông)	1,67	3	BTXM
19	Đường An Ninh	4,35	4,5	BTXM
20	Đường Rạch Lòng Tắc	0,66	3-3,5	BTXM
21	Đường kênh ấp Chiến lược	0,5	3	BTXM
22	Đường lộ D 4 (Đường vào kho cũ).	1,12	3	BTXM
23	Đường An Thành	2,97	3,5-5	BTXM
24	Đường Rạch Lòng Tắc	0,52	2,5	BTXM
25	Đường kênh Hào Dầu (bờ Bắc)	1,96	3,5	BTXM
26	Đường cặp sông cái Lớn	0,72	5~6	BTXM
27	Đường kênh Tư	3,31	2,5-10	BTXM
28	Đường kênh Ngang (bờ Đông)	1,47	3	BTXM
29	Đường kênh Hậu Lộ 5	1,81	3,5	BTXM
30	Đường An Lạc	1,83	4~5	BTXM
31	Đường Vịnh Quới - Vĩnh Phú (bờ Tây sông cái Bé)	6,85	1,5	BTXM
32	Đường Vĩnh Hòa Xôn Bắc Sông Cà Lang)	4,6	1~2	BTXM
33	Đường Sự Đôn bờ tây	1,86	2,5	BTXM
34	Đường Rạch Tà Niên bờ đông	1,5	4	BTXM
35	Đường Rạch Tà Niên bờ tây	1,6	2,5	BTXM
36	Lộ Chính Vĩnh Thành	1,63	3	BTXM
37	Đường Đập Đá	1,21	2,5	BTXM
38	Đường Cống Đình	0,13	4	BTXM
39	Đường Rạch Tà Niên bờ bắc	0,9	3,5	BTXM
40	Đường Rạch Tà Niên bờ nam	1	2,5	BTXM
41	Đường Trụ sở Hồ Thuận	0,45	2,5	BTXM
42	Đường Kênh Xẻo Nhỏ	1,45	3,5	BTXM
43	Đường kênh Tà Bết bờ bắc	1,25	3	BTXM
IV	Đường ngõ xóm			
1	Đường nối đường Ngọn Cà Lang và đường vào cùng cá Tắc Cậu	0,25	4,5	BTXM
2	Đường Kênh Kha Ma (bờ Đông)	0,81	2,5~6	BTXM
3	Đường Kênh Kha Ma (bờ Tây)	0,29	2,5-3,5	BTXM
4	Đường Nhánh Cà Lang (từ quốc lộ 63 vào trường BA điểm Minh Phong)	0,83	2,5~6	BTXM
5	Đường kênh Tư Tùng	0,88	3	BTXM
6	Đường Chùa Cũ	0,58	3,5	BTXM
7	Đường dọc kênh	0,26	2	BTXM
8	Đường số 2	1,11	2	BTXM
9	Đường An Thới	0,33	4,5	BTXM
10	Đường Cò Lao	1,08	3~4,5	BTXM
11	Đường kênh Xẻo Ông Xuyến	0,65	3	BTXM
12	Đường kênh Tư Tùng	0,78	3	BTXM
13	Đường kênh Hai Lộc	0,97	3	BTXM
14	Đường số 6	0,92	4,5	BTXM
15	Đường kênh Ngang (bờ Tây)	0,44	3	BTXM
16	Đường kênh B 5	0,64	3	BTXM
17	Đường kênh Xáng Mới (bờ Tây)	1,69	3	BTXM
18	Đường kênh Xáng Mới (bờ Đông)	1,67	3	BTXM
19	Đường kênh Đầu Dừa	2,64	3,5	BTXM
20	Đường kênh Kiểm	2,62	4,5	BTXM
21	Đường cặp Rạch Lòng Tắc Vĩnh Phú	1,2	2	BTXM
22	Đường Vĩnh Phú bờ Đông sông Cái Lớn	3,8	2	BTXM
23	Đường Vĩnh Hòi bờ Tây kênh ông Hiếu	2	2,5	BTXM
24	Đường bờ nam kênh Đập Đá	1,2	1,5	BTXM
25	Đường bờ đông sông Cái Bé Vĩnh Hội	1,7	2	BTXM
26	Đường lộ 5 Vĩnh Hội	0,8	1,2	BTXM
27	Đường kênh 2 Lương	0,7	1,2	BTXM
28	Đường ấp Vĩnh Hòa 2	2	1,2	BTXM
29	Đường Cà Đao bờ Tây	1,4	1,5	BTXM
30	Đường Cà Đao bờ Đông	1,6	1,5	BTXM
31	Đường Rạch Tà Niên (bờ nam Vĩnh Hòa 1)	0,3	1,5	BTXM
32	Đường kênh Trời Đánh bờ đông	2,8	1	BTXM
33	Đường kênh Trời Đánh bờ tây	4,3	1	BTXM
34	Đường kênh Xẻo Nhỏ bờ tây	0,2	1,2	BTXM
35	Đường kênh Xẻo Nhỏ bờ đông	0,3	1	BTXM
36	Đường kênh Xẻo Tre bờ bắc	1,1	1,5	BTXM
37	Đường kênh Xẻo Tre bờ nam	0,9	1	BTXM
38	Đường Kênh Cà Đao Xóm Việt bờ Bắc	2,7	1~1,5	BTXM
39	Đường Kênh Cà Đao Xóm Việt bờ Nam	0,7	2,5	BTXM
40	Đường Tổ 8 bờ Đông	0,3	2	BTXM
41	Đường Tổ 8 bờ Tây	0,3	2	BTXM
42	Đường khu dân cư Vĩnh Hòa 1	0,7	4	BTXM
43	Đường kênh ông Nhu	0,1	1	BTXM
44	Đường nhà ông 5 Ngự	0,2	1,5	BTXM
45	Đường kênh Trời Đánh	0,3	3	BTXM
46	Đường Sông Cái Bé	1,9	2,5	BTXM
47	Đường Sự Đôn bờ đông	3,47	2,5	BTXM
48	Đường vào phòng thuốc Nam	0,4	3	BTXM
49	Đường kênh Tà Bết bờ nam	1,25	3	BTXM
50	Đường vào Trụ Sở cũ	0,4	3	BTXM
51	Đường Vào Kênh Tiếp Nước Bờ Nam	3	4	BTXM
52	Đường Vào Kênh Tiếp Nước Bờ Bắc	5	6	BTXM
53	Đường trại chăn nuôi	0,25	2	BTXM
54	Đường nhà ông Quân	0,4	2,5	BTXM


QL63
ĐT.961B
LX
QL 63
ĐH.DK.06
ĐT.966D
ĐT.966B
ĐT.CT.DK.06
Đ. HLVB Phi Nam
cầu Cái Lớn
ĐH.CT.DK.04
Cống Cái Lớn
ĐH.Thới Quản - Bình
4. VÙNG IV (SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH) BAO GỒM CÁC ẤP: MỘT PHẦN ẤP GIỒNG, MỘT PHẦN ẤP HÒA THẠNH, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THANH A, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THANH B, MỘT PHẦN ẤP BÌNH PHƯỚC, MỘT PHẦN ẤP AN HÒA, ẤP VĨNH QUỚI, ẤP AN HÒA. VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRỌNG TIỂU CỦA XÃ CHUYÊN VỀ TRỒNG LÚA VÀ HOA MÀU PHỤC VỤ CHO CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH TẠO SỨC MẠNH CẠNH TRANH CHO SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THỜI GÓP PHẦN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH.
3. VÙNG III (SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, DU LỊCH SINH THÁI) BAO GỒM CÁC ẤP: ẤP VĨNH PHÚ VÀ ẤP AN NINH. LÀ VÙNG CANH TÁC MÔ HÌNH KHÓM - CAU - DỪA CỦA XÃ ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP TRẢI NGHIỆM ĐỒNG THỜI LÀ VÙNG SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU CHO KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN.
KÝ HIỆU
TIỂU VÙNG I
TIỂU VÙNG II
TIỂU VÙNG III
TIỂU VÙNG IV
QUỐC LỘ 61
QUỐC LỘ 63
ĐƯỜNG CỐNG CÁI LỚN - CÁI BÈ
ĐƯỜNG 3-2 NỐI DÀI
RANH GIỚI XÃ
RANH GIỚI ẤP
ĐƯỜNG QUỐC LỘ
ĐƯỜNG ẤP - ĐƯỜNG XÃ
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Thanh Luận
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Dành Phương
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Dành Phương
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050
TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUẢN LÝ PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN
BẢN VẼ: QH-03
SHEP: 2 x A0
TỶ LỆ: 1/10.000
NGÀY: 7/2025
THIẾT KẾ: KTS. DANH TÍNH
CHỦ TRÌ: KTS. DANH TÍNH
CHỦ NHIỆM: KTS. DANH TÍNH
TRƯỞNG PHÒNG: KS. NGUYỄN MINH KHOA
QL KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN MINH KHOA
ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH:
ĐẶNG MINH BẰNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DSB KIÊN GIANG
DSBS

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ QUẢN LÝ PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000

KHÔNG GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA XÃ BÌNH AN ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG , TỔ CHỨC THEO 04 VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI CHUYÊN BIỆT. ĐỊNH HƯỚNG 04 VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI ĐƯỢC PHÂN CHIA BỞI CÁC TUYẾT QUỐC LỘ 61, QUỐC LỘ 63, TUYẾN ĐƯỜNG 3/2 NỐI DÀI VÀ SÔNG CÁI BÉ.

1. TIỂU VÙNG I: BAO GỒM CÁC ẤP: MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH A, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH B, MỘT PHẦN ẤP VĨNH HỘI, MỘT PHẦN ẤP VĨNH HÒA , MỘT PHẦN ẤP MINH PHONG, MỘT PHẦN ẤP AN THỚI, MỘT PHẦN ẤP SUA ĐŨA VÀ MỘT PHẦN ẤP HÒA THUẬN;
2. TIỂU VÙNG II: MỘT PHẦN ẤP VĨNH HỘI, MỘT PHẦN ẤP VĨNH HÒA VÀ MỘT PHẦN ẤP MINH PHONG;
3. TIỂU VÙNG III: BAO GỒM CÁC ẤP: ẤP VĨNH PHÚ VÀ ẤP AN NINH;
4. TIỂU VÙNG IV: BAO GỒM CÁC ẤP: MỘT PHẦN ẤP SUA ĐŨA, MỘT PHẦN ẤP HÒA THUẬN, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH A, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH B, MỘT PHẦN ẤP MINH PHONG, MỘT PHẦN ẤP AN THỚI, ẤP VĨNH ĐĂNG, ẤP XÀ XIÊM.

2. VÙNG II (TRUNG TÂM LOGISTICS VÀ KHU CÔNG NGHIỆP) MỘT PHẦN ẤP VĨNH HỘI, MỘT PHẦN ẤP VĨNH HÒA VÀ MỘT PHẦN ẤP MINH PHONG. LÀ KHU VỰC NẰM GIỮA SÔNG CÁI BÉ VÀ ĐƯỜNG 3/2 NỐI DÀI VỊ TRÍ VÔ DÙNG THUẬN LỢI ĐỂ PHÁT TRIỂN VÀ HÌNH THÀNH TRUNG TÂM LOGISTIC VÀ KHU CÔNG NGHIỆP. TẠO NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO NÂNG CAO VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN CHO TOÀN XÃ.

1. VÙNG I (ĐÔ THỊ MỚI, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ) BAO GỒM CÁC ẤP: MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH A, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH B, MỘT PHẦN ẤP VĨNH HỘI, MỘT PHẦN ẤP VĨNH HÒA , MỘT PHẦN ẤP MINH PHONG, MỘT PHẦN ẤP AN THỚI, MỘT PHẦN ẤP SUA ĐŨA VÀ MỘT PHẦN ẤP HÒA THUẬN. LÀ VÙNG LÕI CỦA XÃ NƠI TẬP TRUNG CÁC CỤM VÀ KHU DÂN CƯ PHÁT TRIỂN THEO CÁC TUYẾT QUỐC LỘ 61, QUỐC LỘ 63, TUYẾN ĐƯỜNG 3/2 NỐI DÀI. KẾM THEO ĐÓ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỖ TRỢ CHO SINH HOẠT VÀ SẢN XUẤT CỦA CƯ DÂN.

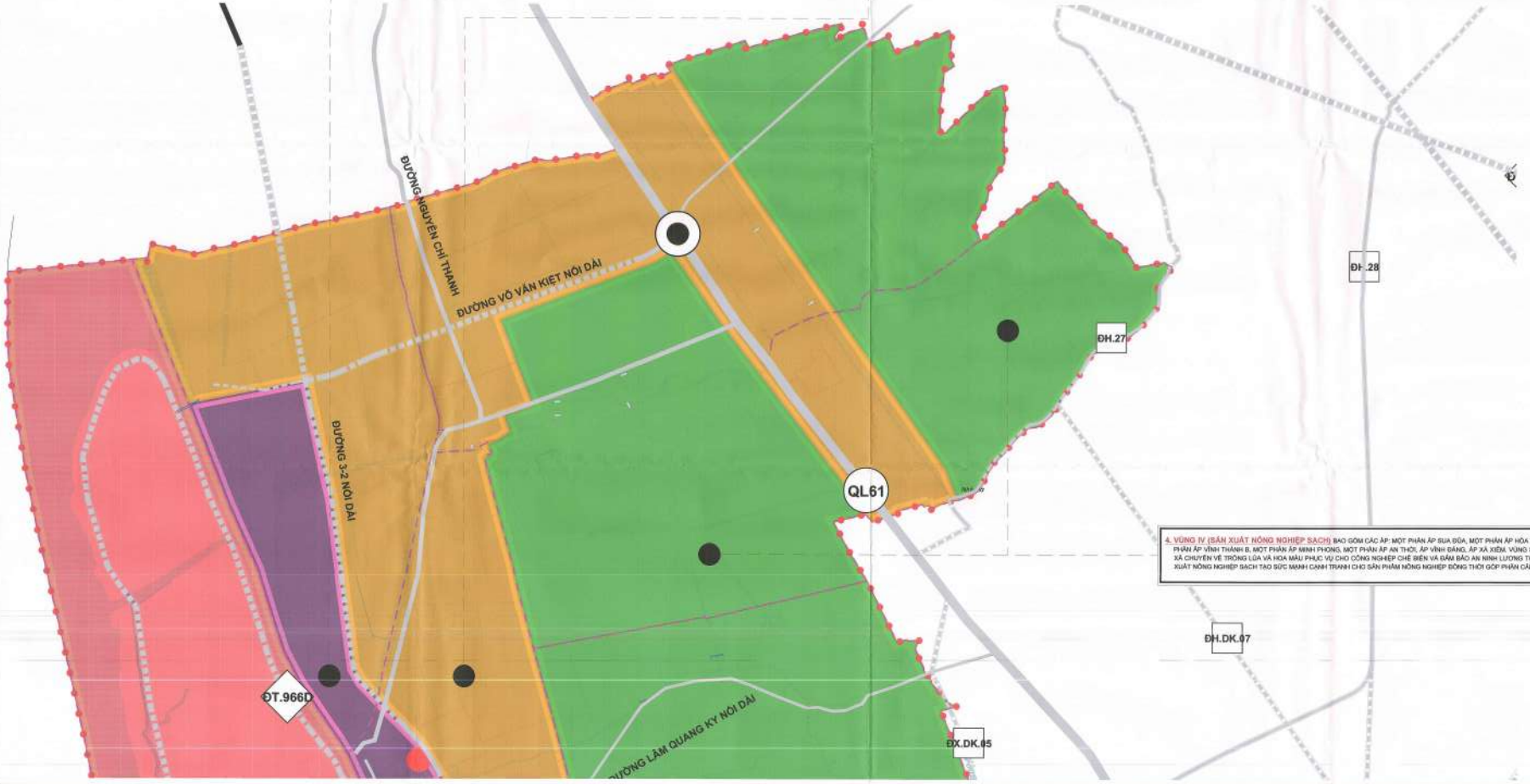

4. VÙNG IV (SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH) BAO GỒM CÁC ẤP: MỘT PHẦN ẤP SUA ĐŨA, MỘT PHẦN ẤP HÒA THUẬN, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH A, MỘT PHẦN ẤP VĨNH THÀNH B, MỘT PHẦN ẤP MINH PHONG, MỘT PHẦN ẤP AN THỚI, ẤP VĨNH ĐĂNG, ẤP XÀ XIÊM. VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRỌNG YẾU CỦA XÃ CHUYÊN VỀ TRỒNG LÚA VÀ HOA MÀU PHỤC VỤ CHO CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH TẠO SỨC MẠNH CẠNH TRANH CHO SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THỜI GÓP PHẦN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH.

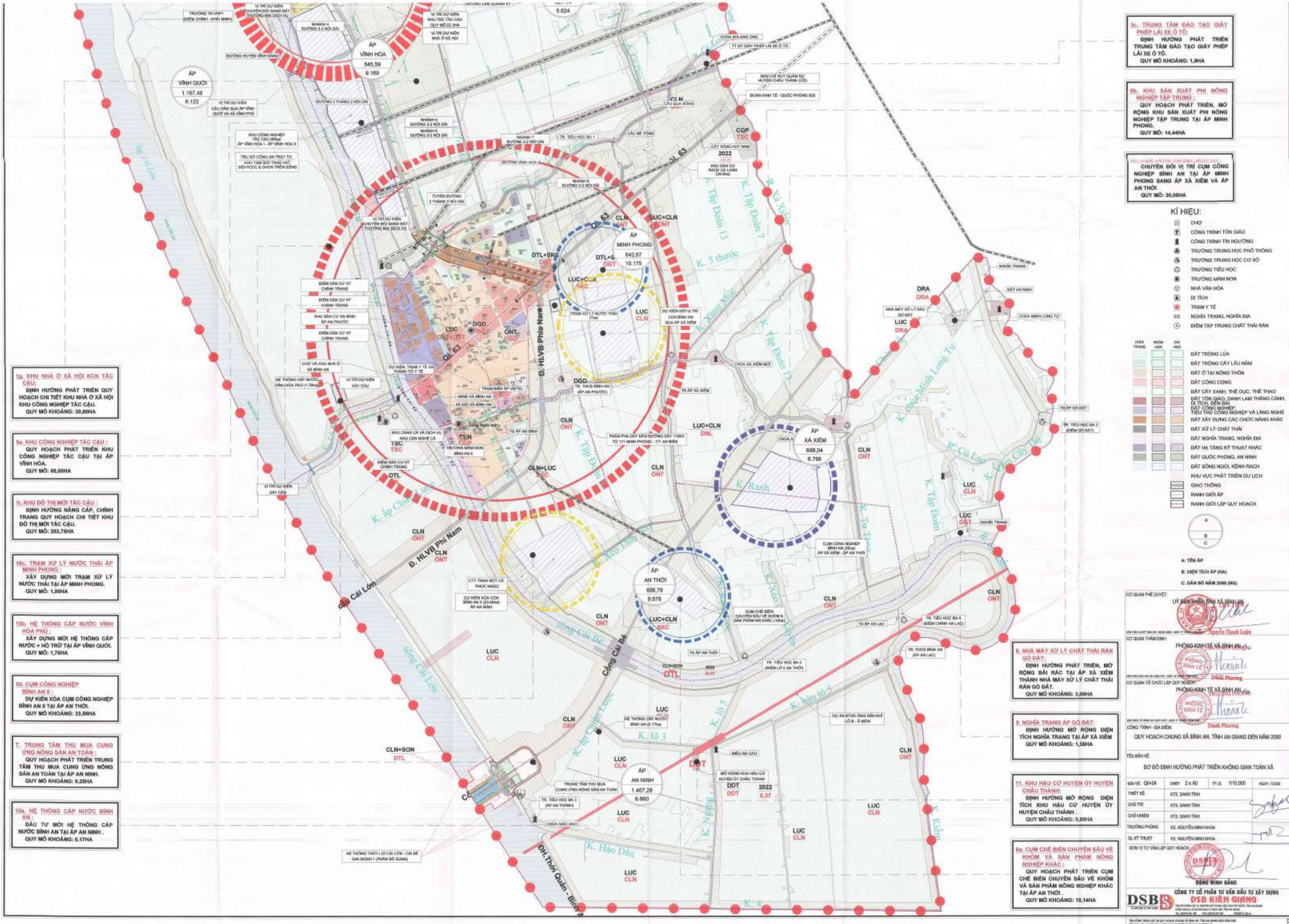
ẤP VĨNH HÒA 545,59 9.169
ẤP VĨNH QUỚI 1.167,46 6.122
ẤP MINH PHONG 642,67 10.175
ẤP XÁ XIÊM 688,04 6.798
ẤP AN THỚI 606,79 8.678
ẤP AN NINH 1.407,29 8.990
Đ. HLVB Phía Nam
Đ. HLVB Phía Tây
Đ. Thới Quản - Bình An
Sông Cái Lớn
Sông Cái Bé
Cầu Cái Lớn
Cống Cái Bé
QL 63
CLN ONT
LUC CLN
LUC+CLN SKC
DTL+SKC ONT
DTL+S ĐGT
DRA DRA
DGD ONT
CLN+SON DTL
TSC
DNL
DDT
1a. KHU NHÀ Ở XÃ HỘI KCN TÁC CẦU:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU NHÀ Ở XÃ HỘI KHU CÔNG NGHIỆP TÁC CẦU.
QUY MÔ KHOẢNG: 30,60HA
5a. KHU CÔNG NGHIỆP TÁC CẦU :
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TÁC CẦU TẠI ẤP VĨNH HÒA.
QUY MÔ: 68,00HA
1i. KHU ĐÔ THỊ MỚI TÁC CẦU :
ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CẤP, CHỈNH TRANG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ MỚI TÁC CẦU.
QUY MÔ: 253,75HA
10c. TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI ẤP MINH PHONG :
XÂY DỰNG MỚI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI ẤP MINH PHONG.
QUY MÔ: 1,00HA
10b. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VĨNH HÒA PHÚ :
XÂY DỰNG MỚI HỆ THỐNG CẤP NƯỚC + HỒ TRỮ TẠI ẤP VĨNH QUỚI.
QUY MÔ: 1,76HA
5d. CỤM CÔNG NGHIỆP BÌNH AN II :
DỰ KIẾN XÓA CỤM CÔNG NGHIỆP BÌNH AN II TẠI ẤP AN THỚI.
QUY MÔ KHOẢNG: 23,56HA
7. TRUNG TÂM THU MUA CUNG ỨNG NÔNG SẢN AN TOÀN :
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM THU MUA CUNG ỨNG NÔNG SẢN AN TOÀN TẠI ẤP AN NINH.
QUY MÔ KHOẢNG: 0,28HA
10a. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC BÌNH AN :
ĐẦU TƯ MỚI HỆ THỐNG CẤP NƯỚC BÌNH AN TẠI ẤP AN NINH .
QUY MÔ KHOẢNG: 0,17HA
3c. TRUNG TÂM ĐÀO TẠO GIẤY PHÉP LÁI XE Ô TÔ:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐÀO TẠO GIẤY PHÉP LÁI XE Ô TÔ.
QUY MÔ KHOẢNG: 1,9HA
6b. KHU SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG :
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN, MỞ RỘNG KHU SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TẠI ẤP MINH PHONG.
QUY MÔ: 14,44HA
CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CỤM CÔNG NGHIỆP BÌNH AN TẠI ẤP MINH PHONG SANG ẤP XÁ XIÊM VÀ ẤP AN THỚI
QUY MÔ: 30,00HA
KÍ HIỆU:
CHỢ
CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
CÔNG TRÌNH TÍN NGƯỠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRƯỜNG MẦM NON
NHÀ VĂN HÓA
DI TÍCH
TRẠM Y TẾ
NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
ĐIỂM TẬP TRUNG CHẤT THẢI RẮN
ĐẤT TRỒNG LÚA
ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN
ĐẤT CÔNG CỘNG
ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC, THỂ THAO
ĐẤT TÔN GIÁO, DANH LAM THẮNG CẢNH, DI TÍCH, DI SẢN
ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ
ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC
ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI
ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH
KHU VỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH
GIAO THÔNG
RANH GIỚI ẤP
RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
A: TÊN ẤP
B: DIỆN TÍCH ẤP (HA)
C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NG)
8. NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN GÒ ĐẤT:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, MỞ RỘNG BÃI RÁC TẠI ẤP XÁ XIÊM THÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN GÒ ĐẤT.
QUY MÔ KHOẢNG: 3,00HA
9. NGHĨA TRANG ẤP GÒ ĐẤT:
ĐỊNH HƯỚNG MỞ RỘNG DIỆN TÍCH NGHĨA TRANG TẠI ẤP XÁ XIÊM
QUY MÔ KHOẢNG: 1,58HA
11. KHU HẬU CỨ HUYỆN ỦY HUYỆN CHÂU THÀNH:
ĐỊNH HƯỚNG MỞ RỘNG DIỆN TÍCH KHU HẬU CỨ HUYỆN ỦY HUYỆN CHÂU THÀNH .
QUY MÔ KHOẢNG: 0,95HA
6a. CỤM CHẾ BIẾN CHUYỂN SÂU VỀ KHÓM VÀ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP KHÁC :
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CỤM CHẾ BIẾN CHUYỂN SÂU VỀ KHÓM VÀ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP KHÁC TẠI ẤP AN THỚI .
QUY MÔ KHOẢNG: 10,14HA
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN
Nguyễn Thanh Luận
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
Dinh Phương
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
Dinh Phương
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050
TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ
BẢN VẼ: QH-04 | KHỔ: 2 x A0 | TỶ LỆ: 1/10.000 | NGÀY: 7/2026
THIẾT KẾ: KTS. DANH TÍNH
CHỦ TRÌ: KTS. DANH TÍNH
CHỦ NHIỆM: KTS. DANH TÍNH
TRƯỞNG PHÒNG: KS. NGUYỄN MINH KHOA
QL KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN MINH KHOA
ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH:
ĐẶNG MINH BẰNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DSB KIÊN GIANG
DSB

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN XÃ:

1. QUY HOẠCH CÁC VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:
- ĐỐI VỚI CÁC KÊNH, RẠCH NHƯ: KÊNH NƯỚC MẶN MỚI, KÊNH KH1, KÊNH 14, KÊNH 15, RẠCH TÀ SÔM, RẠCH SÓC GIỮA - KÊNH CHÙA ..... MỖI BÊN LẤY VÀO TỪ 100- 200M ĐỂ TRỒNG MÀU VÀ HÌNH THÀNH MÔ HÌNH VAC, TRONG ĐÓ PHẦN ĐẤT Ở VÀ ĐẤT VƯỜN LÀ 100M CÒN LẠI LÀ TRỒNG HOA MÀU TRÊN NỀN ĐẤT LÚA.
- ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH CÒN LẠI CỦA VÙNG THÍ TRỒNG LÚA CAO SẢN CHẤT LƯỢNG CAO VÀ SẢN XUẤT THEO MÔ HÌNH 2-3 VỤ LÚA/NĂM THEO QUY HOẠCH CỦA XÃ.
- KHU CHĂN NUÔI TẬP TRUNG HOẶC KHU NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN ĐƯỢC HÌNH THÀNH CÁC TRANG TRẠI CÓ QUY MÔ VỪA VÀ NHỎ DƯỚI HÌNH THỨC TRANG TRẠI GIA ĐÌNH HOẶC TRANG TRẠI HỢP DOANH.

2. KHU VỰC SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ TRANG TRẠI:
- CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP: CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT NHƯ KHO NÔNG SẢN, KHO LÚA GIỐNG, KHO PHÂN HOÁ HỌC VÀ THUỐC TRỪ SÂU, KHO NÔNG CỤ VẬT TƯ, TRẠM XAY XÁT, XƯỞNG SỬA CHỮA CƠ KHÍ NÔNG CỤ... PHẢI BỐ TRÍ LIÊN HỆ THUẬN TIỆN VỚI [illegible]
- TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP: NHỮNG CƠ SỞ SẢN XUẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP KHÔNG GÂY ĐỘC HẠI CÓ THỂ BỐ TRÍ TRONG KHU Ở, TẠI CÁC NHÀ PHỤ CỦA TỪNG HỘ GIA ĐÌNH NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC ĐỂ NƯỚC THẢI VÀ TIẾNG ỒN GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG.
- CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT NHƯ KHO NÔNG SẢN, KHO LÚA GIỐNG, KHO NÔNG CỤ VẬT TƯ, TRẠM XAY XÁT, XƯỞNG SỬA CHỮA CƠ KHÍ NÔNG CỤ... PHẢI BỐ TRÍ THUẬN TIỆN VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ ĐẢM BẢO KHOẢNG CÁCH HỢP LÝ.

3. QUY HOẠCH TUYẾN, ĐIỂM DÂN CƯ:
QUY HOẠCH MỞ RỘNG VÀ CHỈNH TRANG 56 TUYẾN DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN XÃ VÀ BỐ TRÍ DÂN CƯ TRÊN CÁC TUYẾN KÊNH VỚI CHIỀU RỘNG 120M (TÍNH TỪ TIM ĐƯỜNG): LẤY CHỈ TIÊU ĐẤT Ở 400M^2/HỘ, 60M ĐẦU TIÊN TÍNH TỪ TIM ĐƯỜNG LÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN, 80M CÒN LẠI LÀ DIỆN TÍCH CÒN LẠI CANH TÁC HOA MÀU, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HOẶC TRỒNG CÂY LÂU NĂM

1b. KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG - PHÚ QUÝ:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG - PHÚ QUÝ.
QUY MÔ: 15,00HA

04. TRUNG TÂM BẾN BÃI, KHO HÀNG + CHỢ, TRUNG TÂM LOGISTICS:
VỊ TRÍ DỰ KIẾN TRUNG TÂM BẾN BÃI, KHO HÀNG + CHỢ, TRUNG TÂM LOGISTICS.
QUY MÔ: 42,19HA

5c. CỤM CÔNG NGHIỆP BÌNH AN I:
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MỚI CỤM CÔNG NGHIỆP BÌNH AN 1 TẠI ẤP VĨNH HỘI.
QUY MÔ: 25,89HA

1d. ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN ẤP VĨNH HỘI:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN TẠI ẤP VĨNH HỘI.
QUY MÔ KHOẢNG: 23,68HA

1c. KHU DÂN CƯ VĨNH HÒA HIỆP:
ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CẤP, CHỈNH TRANG QUY HOẠCH CHI TIẾT TRUNG TÂM XÃ VĨNH HÒA HIỆP THÀNH KHU DÂN CƯ VĨNH HÒA HIỆP.
QUY MÔ: 25,00HA

1e. ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN ẤP SUA ĐŨA:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN TẠI ẤP SUA ĐŨA.
QUY MÔ: 1,60HA

1a. CÁC TUYẾN DÂN CƯ:
QUY HOẠCH MỞ RỘNG VÀ CHỈNH TRANG 56 TUYẾN KÊNH DÂN CƯ VÀ 3 ĐIỂM DÂN CƯ (KHU ĐÔ THỊ TÁC CẢU, KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH VĨNH HÒA HIỆP CŨ VÀ KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH VĨNH HÒA PHÚ CŨ). BỐ TRÍ CÁC TUYẾN DÂN CƯ CÓ CHIỀU RỘNG 120m (TÍNH TỪ TIM ĐƯỜNG). 60M ĐẦU TIÊN (TÍNH TỪ TIM ĐƯỜNG) LÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN VÀ 60M CÒN LẠI LÀ ĐẤT TRỒNG HOA MÀU VÀ CÂY LÂU NĂM.

1g. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG:
+ ĐƯỜNG NGÕ, XÓM: NÂNG CẤP MỞ RỘNG ĐƯỜNG THÀNH ĐƯỜNG CÓ CHIỀU RỘNG LỘ GIỚI 5,5M
+ ĐƯỜNG XÃ: NÂNG CẤP MỞ RỘNG ĐƯỜNG THÀNH ĐƯỜNG CÓ CHIỀU RỘNG LỘ GIỚI 6,5M ĐẾN 7,5M
+ ĐƯỜNG LIÊN XÃ: NÂNG CẤP MỞ RỘNG ĐƯỜNG THÀNH ĐƯỜNG CÓ CHIỀU RỘNG LỘ GIỚI 7,0M

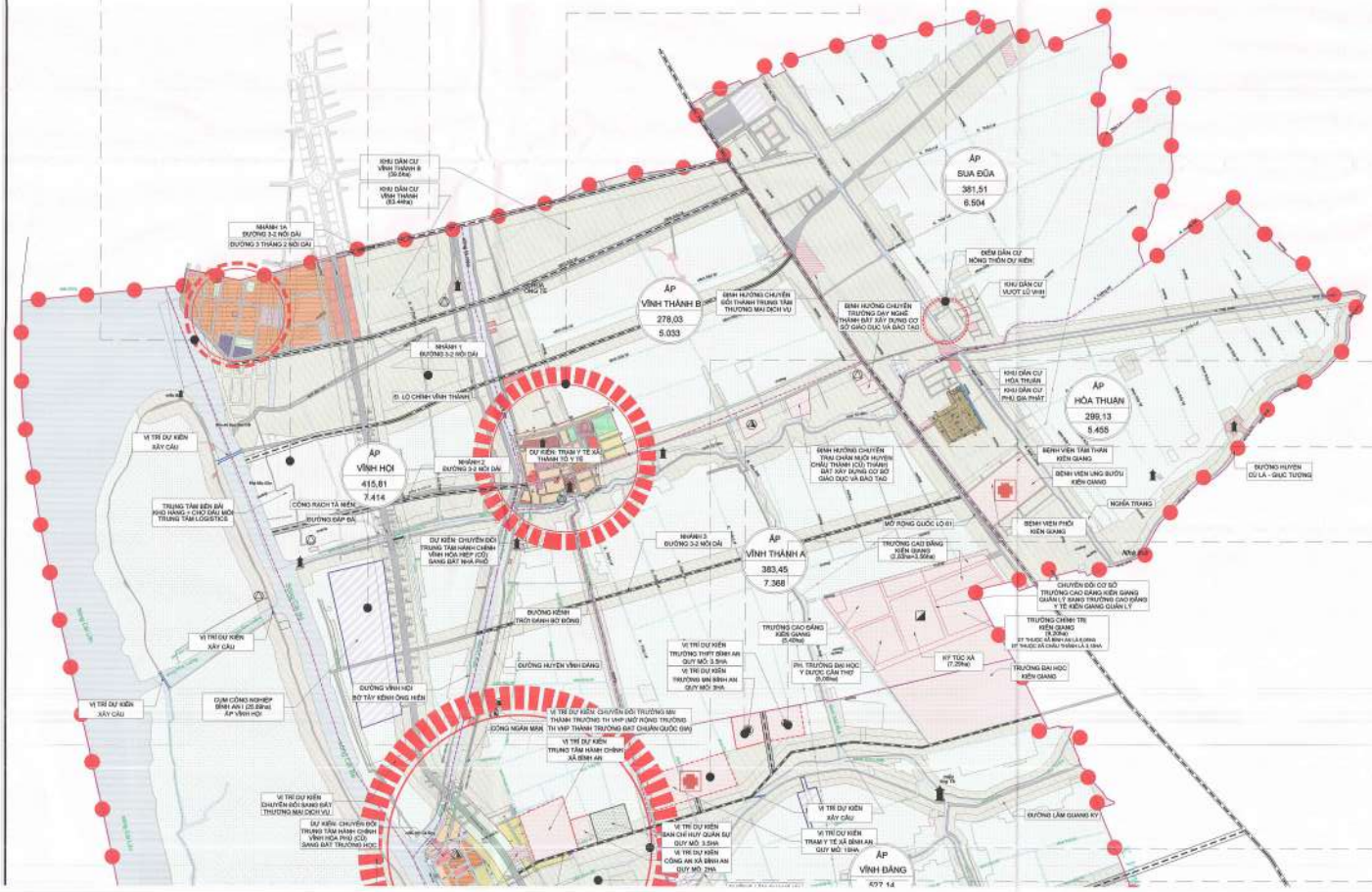

2. TRẠM Y TẾ XÃ BÌNH AN:
ĐẦU TƯ MỚI TRẠM Y TẾ BÌNH AN TẠI ẤP VĨNH ĐĂNG.
QUY MÔ KHOẢNG: 10,06HA

3a. TRƯỜNG MẦM NON BÌNH AN:
ĐẦU TƯ MỚI TRƯỜNG MẦM NON BÌNH AN TẠI ẤP VĨNH ĐĂNG.
QUY MÔ KHOẢNG: 3,06HA

3b. TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÌNH AN:
ĐẦU TƯ MỚI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÌNH AN TẠI ẤP VĨNH ĐĂNG.
QUY MÔ KHOẢNG: 3,63HA

1b. KHU DÂN CƯ VĨNH HÒA PHÚ:
ĐIỀU CHỈNH MỞ RỘNG QUY HOẠCH CHI TIẾT TRUNG TÂM XÃ VĨNH HÒA PHÚ THÀNH QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ VĨNH HÒA PHÚ.
QUY HOẠCH TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH XÃ BÌNH AN, QUY MÔ: 8,02HA
QUY HOẠCH TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ BÌNH AN, QUY MÔ: 2,04HA
QUY HOẠCH BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ XÃ BÌNH AN, QUY MÔ: 3,57HA

1f. KHU TÁI ĐỊNH CƯ CẢNG CÁ TÁC CẢU:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ CẢNG CÁ TÁC CẢU.
QUY MÔ KHOẢNG: 22,30HA

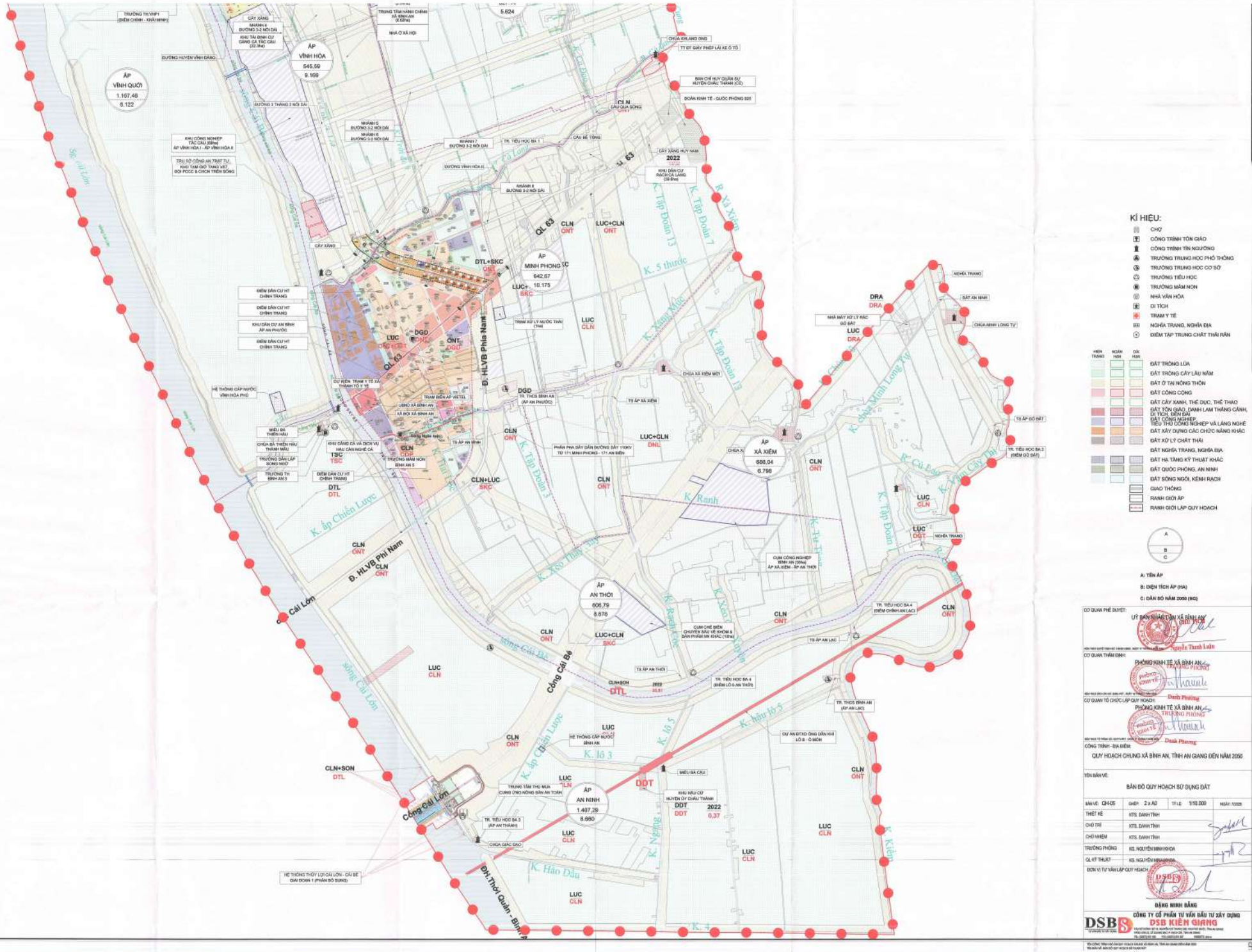
ÁP VĨNH QUỚI 1.167,48 6.122
ÁP VĨNH HÒA 545,59 9.166
ÁP MINH PHONG 642,67 10.175
ÁP XÁ XIÊM 588,04 6.798
ÁP AN THỜI 606,79 8.878
ÁP AN NINH 1.407,29 8.980
Đ. HLVB Phía Nam
Đ. HLVB Phía Nam
Đ.N. Thới Quản - Bình A
Sông Cái Lớn
Sông Cái Lớn
Sông Cái Bé
Cống Cái Lớn
Cống Cái Bé
QL 63
K. Tập Đoàn 13
K. Tập Đoàn 7
K. 5 thước
K. Xáng Mác
K. Tập Đoàn 12
K. Tập Đoàn 3
K. Ranh
K. Thới Quản
K. Xáo Thủy Sinh
K. Rạch Cốc
K. Cái Đôi
K. Thới Quản
K. Cái Đôi
K. Thới Cây Thị
K. Chùa Minh Long Xưa
K. Lô 5
K. Lô 3
K. Nông
K. Hào Dầu
K. Kiểm
K. ấp Chiến Lược
K. ấp Chiến Lược
K. Mương Lớn
K. Mương Lớn
K. Lô 7
R. Xã Xiêm
R. Cái Đôi
R. Thới Cây Thị
R. Thới Quản
R. Thới Quản
R. Xáo Thủy Sinh
R. Rạch Cốc
R. Thới Quản
R. Thới Quản
R. Thới Quản

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000

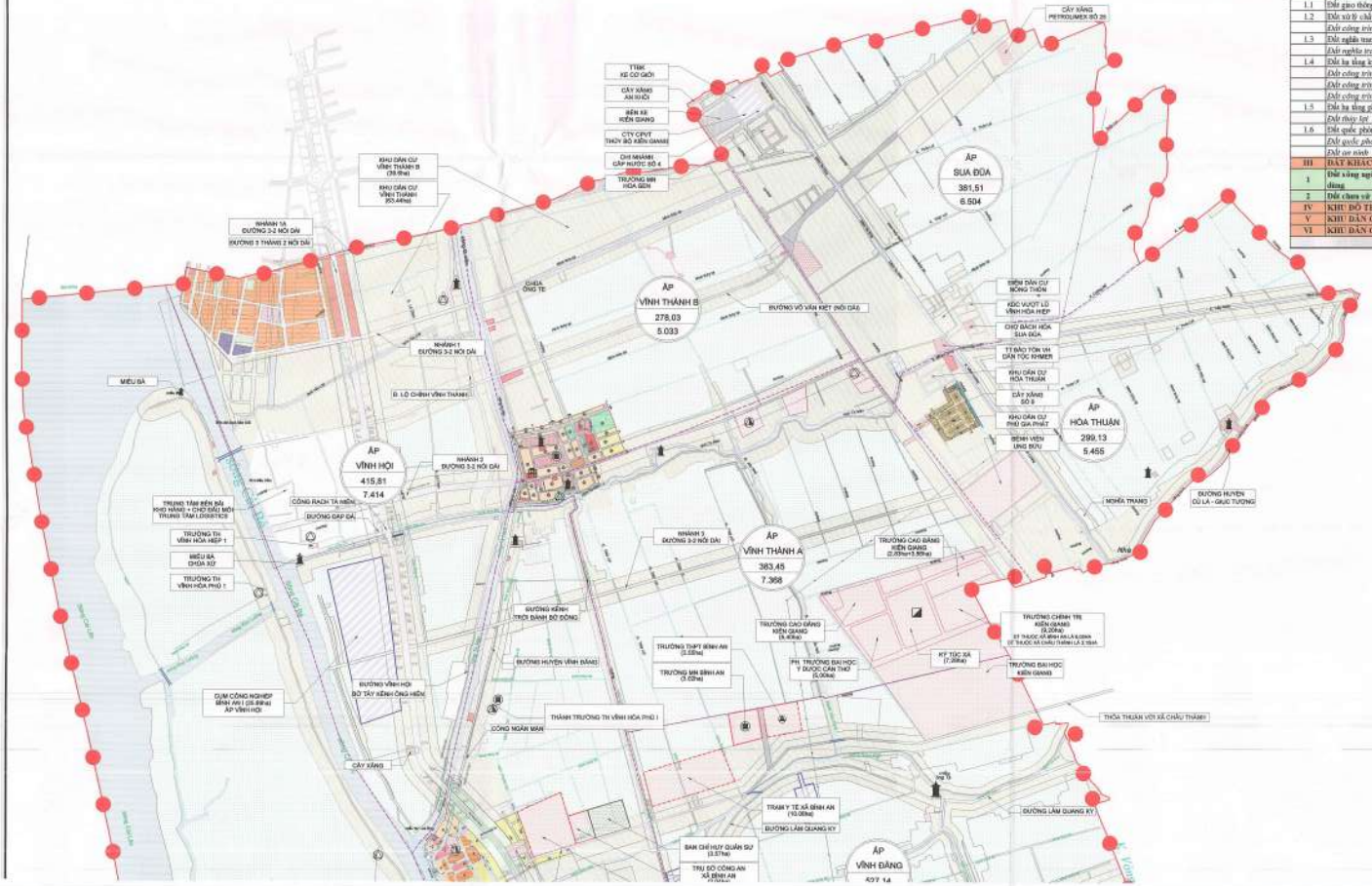

BẢNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	MÃ	HIỆN TRẠNG		NĂM 2030		NĂM 2035		NĂM 2050	
			DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)
I	**ĐẤT NÔNG NGHIỆP**		**5.602,36**	**76,30**	**5.407,57**	**73,64**	**4.726,15**	**64,36**	**3.685,88**	**50,20**
1	**Đất sản xuất nông nghiệp**	**NNP**	**5600,41**	**76,27**	**5.394,97**	**73,47**	**4.726,15**	**64,36**	**3.685,88**	**50,20**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3108,5	42,33	3.120,05	42,49	2.364,01	32,19	1.685,46	22,95
	Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*3108,5*		*3120,05*		*2.364,01*	*32,19*	*1.685,46*	*22,95*
1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	165,58	2,25	7,52	0,10	0,24			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2326,33	31,68	2.267,40	30,88	2.361,90	32,17	2.000,42	27,24
II	**ĐẤT XÂY DỰNG**		**1.022,65**	**13,93**	**1.196,71**	**16,30**	**1.607,62**	**21,89**	**2.647,89**	**36,06**
1	**Đất ở**		**441,98**	**6,02**	**356,29**	**4,85**	**898,53**	**12,24**	**1.810,60**	**24,66**
	Đất ở tại nông thôn	ONT	**441,98**	6,02	356,29		898,53	12,24	1.810,60	24,66
2	**Đất công cộng**		**107,05**	**1,46**	**134,11**	**1,83**	**103,50**	**1,41**	**115,45**	**1,57**
1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,66	0,02	9,00	0,13	1,66	0,02	9,68	0,13
2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,66	0,13	11,43	0,16	9,66	0,13	10,06	0,14
3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	88,86	1,21	100,70	1,45	91,92	1,25	95,45	1,30
4	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	2,5	0,03	4,86	0,07				
5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,1	0,00						
6	Đất chợ	DCH	4,27	0,06	1,13	0,02	0,26	0,00	0,26	0,00
3	**Đất cây xanh thể dục, thể thao**		**0,07**	**0,00**	**9,20**	**0,13**				
1	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT			4,70	0,06				
2	Đất vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,07	0,00	4,50	0,06				
4	**Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền**		**10,42**	**0,14**	**12,96**	**0,18**	**11,19**	**0,15**	**11,19**	**0,15**
1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất danh lam thắng cảnh	DDT			0,96	0,01	0,95	0,01	0,95	0,01
2	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,51	0,13	8,90	0,12	9,83	0,13	9,83	0,13
3	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,91	0,01	3,10	0,04	0,41	0,01	0,41	0,01
5	**Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề**		**40,38**	**0,55**	**154,99**	**2,11**	**149,77**	**2,04**	**165,97**	**2,26**
1	Đất cụm công nghiệp, đất khu công nghiệp, đất khu chế xuất				98	1,33	98,00	1,33	123,89	1,69
1.1	*Đất khu công nghiệp*	*SKK*			*68*	*0,93*	*68,00*	*0,93*	*68,00*	*0,93*
1.2	*Đất cụm công nghiệp*	*SKN*			*30*	*0,41*	*30,00*	*0,41*	*55,89*	*0,76*
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	40,38	0,55	56,99	0,78	51,77	0,71	42,08	0,57
6	**Đất xây dựng các chức năng khác**		**7,04**	**0,10**	**19,68**	**0,27**	**7,95**	**0,11**	**7,95**	**0,11**
	Đất thương mại dịch vụ	TMD	2,85		18,73	0,26	7,95	0,11	7,95	0,11
	Đất xây dựng trụ sở cơ của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,19		0,95	0,01				
7	**Đất hạ tầng kỹ thuật**		**415,71**	**5,66**	**505,48**	**6,94**	**436,68**	**5,95**	**536,73**	**7,31**
1.1	Đất giao thông	DGT	342,81	4,67	275,11	3,75	363,23	4,95	447,21	6,09
1.2	Đất xử lý chất thải rắn		1,21	0,02	8,41	0,11	3,00	0,04	0,00	0,00
	Đất công trình xử lý chất thải	*DRA*	1,21		*8,41*	*0,11*	*3,00*	*0,04*		
1.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa		7,15	0,10	6,65	0,09	7,88	0,11	7,88	0,11
	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	*NTD*	7,15		*6,65*	*0,09*	*7,88*	*0,11*	*7,88*	*0,11*
1.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		0,74	0,01	3,37	0,05	4,66	0,06	4,66	0,06
	Đất công trình năng lượng	*DNL*	0,7		*2,72*	*0,04*	*2,72*	*0,04*	*2,72*	*0,04*
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	*DBV*	0,04		*0,22*	*0,00*				
	Đất công trình cấp nước, thoát nước	*DCT*			*0,43*	*0,01*	*1,94*	*0,03*	*1,94*	*0,03*
1.5	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		54,10	0,74	187,66	2,56	48,30	0,66	44,17	0,60
	Đất thủy lợi	*DTL*	54,09		*187,66*	*2,56*	*48,30*	*0,66*	*44,17*	*0,60*
1.6	Đất quốc phòng an ninh		9,61	0,13	28,28	0,39	9,61	0,13	32,81	0,45
	Đất quốc phòng	*CQP*	9,13		*26,06*	*0,35*	*9,13*	*0,12*	*12,88*	*0,18*
	Đất an ninh	*CAN*	0,48		*2,22*	*0,03*	*0,48*	*0,01*	*19,93*	*0,27*
III	**ĐẤT KHÁC**		**717,92**	**9,78**	**738,65**	**10,06**	**705,41**	**9,61**	**705,41**	**9,61**
1	**Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng**	SON	**717,92**	**9,78**	**738,65**	**10,06**	**705,41**	**9,61**	**705,41**	**9,61**
2	**Đất chưa sử dụng**	CSD								
IV	**KHU ĐÔ THỊ MỚI TÁC CẦU**						**253,75**	**3,46**	**253,75**	**3,46**
V	**KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN VĨNH HÒA HIỆP**						**25,00**	**0,34**	**25,00**	**0,34**
VI	**KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN VĨNH HÒA PHÚ**						**25,00**	**0,34**	**25,00**	**0,34**
	TỔNG		**7.342,93**	**100,00**	**7.342,93**	**100,00**	**7.342,93**	**100,00**	**7.342,93**	**100,00**

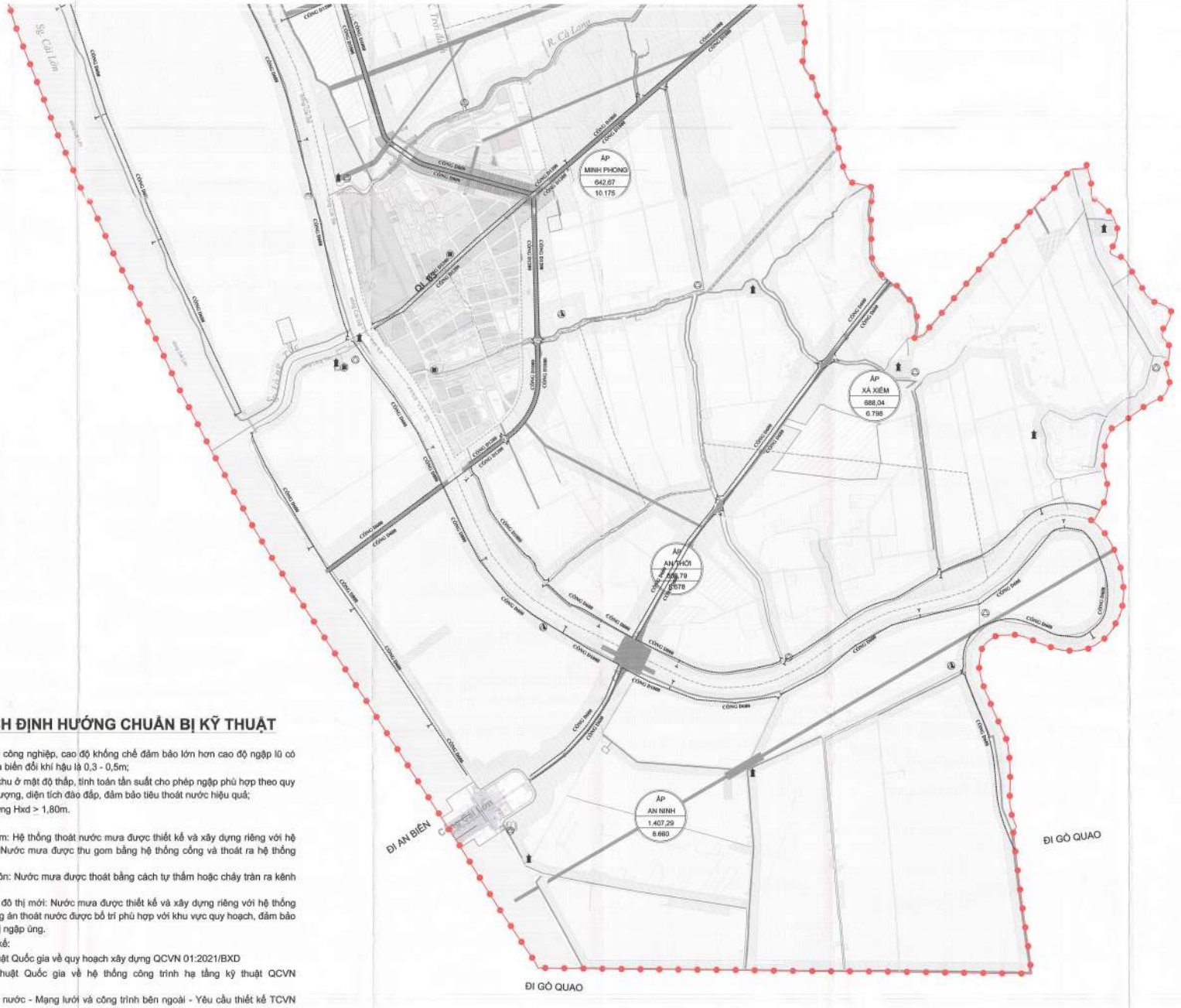

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN BỊ KỸ THUẬT

1. Cao độ nền:

- Tại các khu ở, khu công nghiệp, cao độ khống chế đảm bảo lớn hơn cao độ ngập lũ có tính đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là 0,3 - 0,5m;

- Tại khu cây xanh, khu ở mật độ thấp, tính toán tần suất cho phép ngập phù hợp theo quy phạm nhằm giảm khối lượng, diện tích đào đắp, đảm bảo tiêu thoát nước hiệu quả;

- Cao độ nền xây dựng Hxd > 1,80m.

2. Thoát nước mưa

- Khu vực trung tâm: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế và xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống và thoát ra hệ thống kênh rạch.

- Khu vực nông thôn: Nước mưa được thoát bằng cách tự thấm hoặc chảy tràn ra kênh rạch xung quanh

- Khu dân cư, khu đô thị mới: Nước mưa được thiết kế và xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải. Phương án thoát nước được bố trí phù hợp với khu vực quy hoạch, đảm bảo thoát nước tốt, không bị ngập úng.

- Tiêu chuẩn thiết kế:

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD

+ Tiêu chuẩn thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế TCVN 7957:2023

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI XÃ
- ĐƯỜNG CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- CỬA XẢ
- A: TÊN ẤP
- B: DIỆN TÍCH ẤP (HA)
- C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NG)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN
Cao Thanh Luận

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Danh Phương

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Danh Phương

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN BỊ KỸ THUẬT, TỶ LỆ 1/10.000

BẢN VẼ: QH-06	GIẤY: 2 x A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NGÀY: 7/2025
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THỊ TÚ LỆ		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THỊ TÚ LỆ		
CHỦ NHIỆM	KTS. DANH TÍNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN MINH KHOA		
QL KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN MINH KHOA		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH:
DSB
ĐẶNG MINH ĐẲNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DSB KIÊN GIANG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN BỊ KỸ THUẬT, TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000



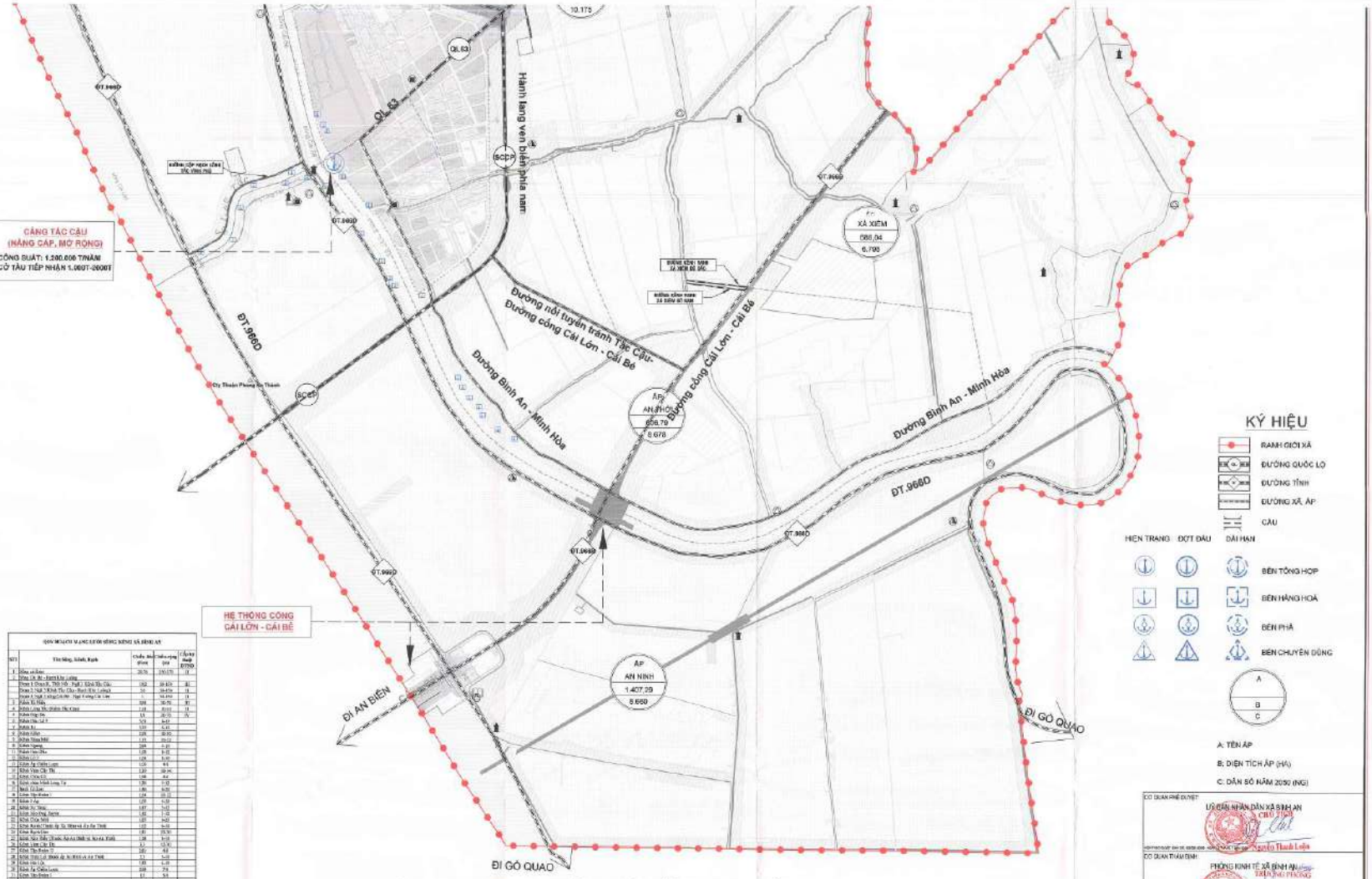

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG

- Trên cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, đầu tư nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống giao thông toàn xã. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu về giao thông vận tải, tạo mối liên kết chặt chẽ và đồng bộ giữa các loại hình vận tải, đặc biệt là giao thông đường thuỷ và đường bộ.

+ Đối với các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ: Mở mới, nâng cấp, mở rộng theo kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông của Trung ương và của tỉnh. Đảm bảo lưu thông thông suất, phát triển kinh tế địa phương.

+ Đối với các tuyến đường xã: Nâng cấp, mở rộng mặt đường hiện hữu đạt tối thiểu cấp V đồng bằng (Bề rộng mặt đường đạt 7,5m theo định hướng phát triển của xã). Mở mới các tuyến đường nhằm phát triển đồng bộ hệ giao thông trong xã. Đảm bảo kết nối đối với các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ như: Quốc lộ 61, quốc lộ 63, tuyến tránh Rạch Giá, đường ven biển (Đường 3 tháng 2 nối dài), ...

+ Đối với các tuyến đường ấp, ngõ xóm: Nâng cấp, mở rộng mặt đường đảm bảo tối thiểu đạt cấp VI đồng bằng (Bề rộng mặt đường đạt 5,5m theo định hướng phát triển của xã) phục vụ nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế - xã hội của xã, kết nối và lưu thông hàng hoá từ các tuyến đường lớn về tận cơ sở sản xuất, kinh doanh tại địa phương

+ Giao thông đường thuỷ: Phân bổ kinh phí nạo vét các tuyến kênh rạch bị bồi lấng đảm bảo lưu thông, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản. Xây dựng, gia cố kè bê tông đối với các đoạn bờ sông bị sạc lở đảm bảo lưu thông và bảo vệ an toàn người dân.

+Cảng, bến thuỷ nội địa: Đầu tư nâng cấp, mở rộng các công trình phục vụ vận tải đường thuỷ như: Cảng Tắc Cậu nằm trên sông Cái Bé công suất đến năm 2030 đạt 1.200.000 T/năm, cỡ tàu tiếp nhận từ 1.000T-2000T, các cảng thuỷ nội địa chuyên dùng (Cảng xăng dầu Kiên Giang, bến lên xuống hàng hoá, các bến bãi vật liệu xây dựng),...Quy hoạch mới cảng tại Khu công nghiệp Tắc Cậu với công suất 500.000 T/năm, cỡ tàu tiếp nhận 500T và cảng hàng hoá tổng hợp phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hoá tại kho hàng + chợ, trung tâm logistic tại ấp Vĩnh Thành.

+ Xây dựng mới bến bãi, kho hàng + chợ, trung tâm logistic tại ấp Vĩnh Thành, quy mô khoảng 42,1ha

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN — CHỦ TỊCH — Nguyễn Thanh Liêm
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN — TRƯỞNG PHÒNG — Đinh Phương
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN — TRƯỞNG PHÒNG — Đinh Phương
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG, TỶ LỆ 1:10.000
KÝ HIỆU: QH-07 | SHEET: 2 x A0 | TỶ LỆ: 1:10.000 | NGÀY: 7/2025
THIẾT KẾ: KS. LÝ NHẬT NAM
CHỦ TRÌ: KS. LÝ NHẬT NAM
CHỦ NHIỆM: KTS. ĐÀNH TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG: KS. NGUYỄN MINH KHOA
GIÁM ĐỐC: KS. NGUYỄN MINH KHOA
ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PSG KIÊN GIANG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG GIAO THÔNG, TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000

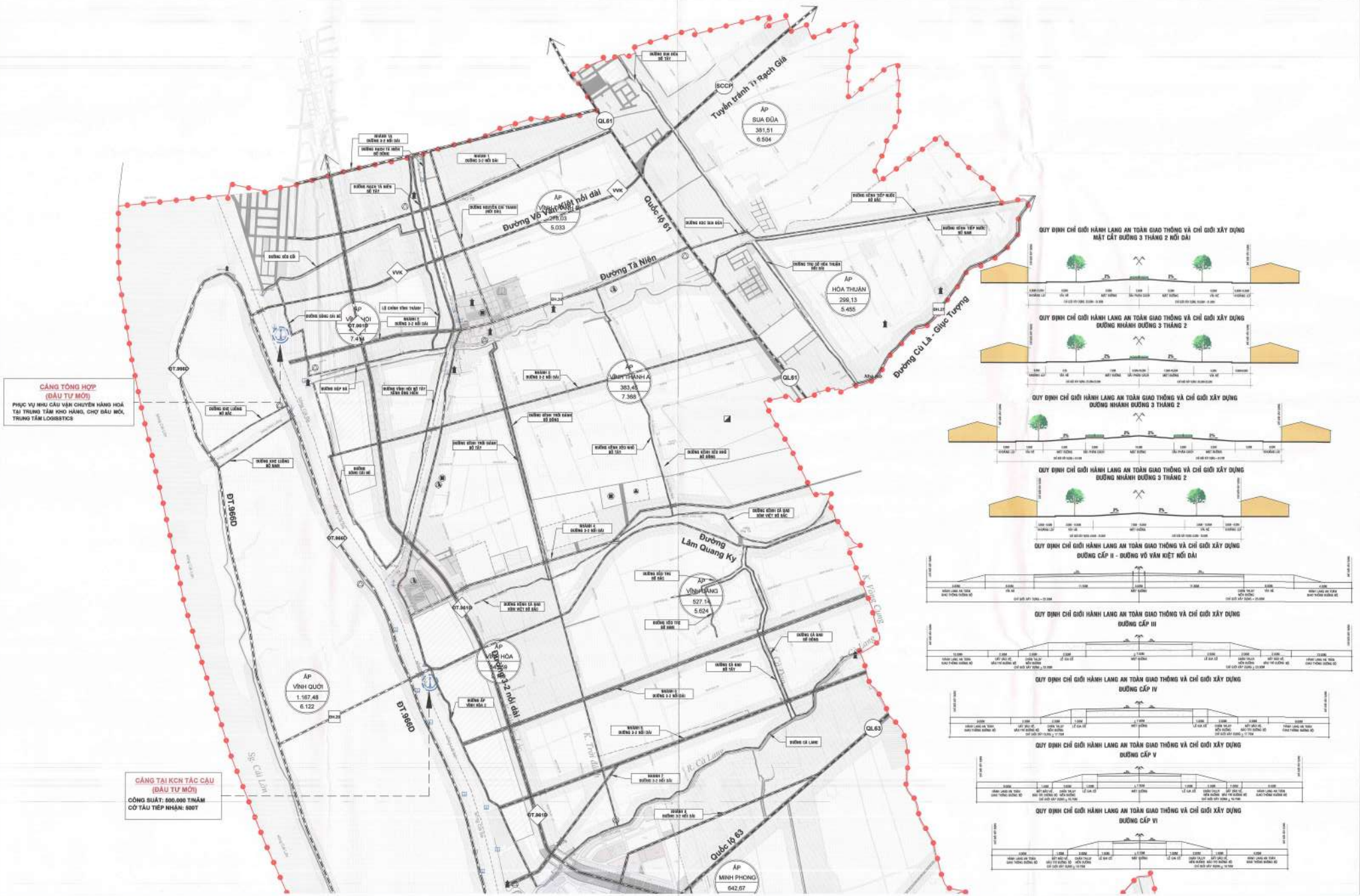

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
MẶT CẮT ĐƯỜNG 3 THÁNG 2 NỐI DÀI

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG NHÁNH ĐƯỜNG 3 THÁNG 2

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG NHÁNH ĐƯỜNG 3 THÁNG 2

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG NHÁNH ĐƯỜNG 3 THÁNG 2

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG CẤP II – ĐƯỜNG VÕ VĂN KIỆT NỐI DÀI

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG CẤP III

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG CẤP IV

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG CẤP V

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG CẤP VI

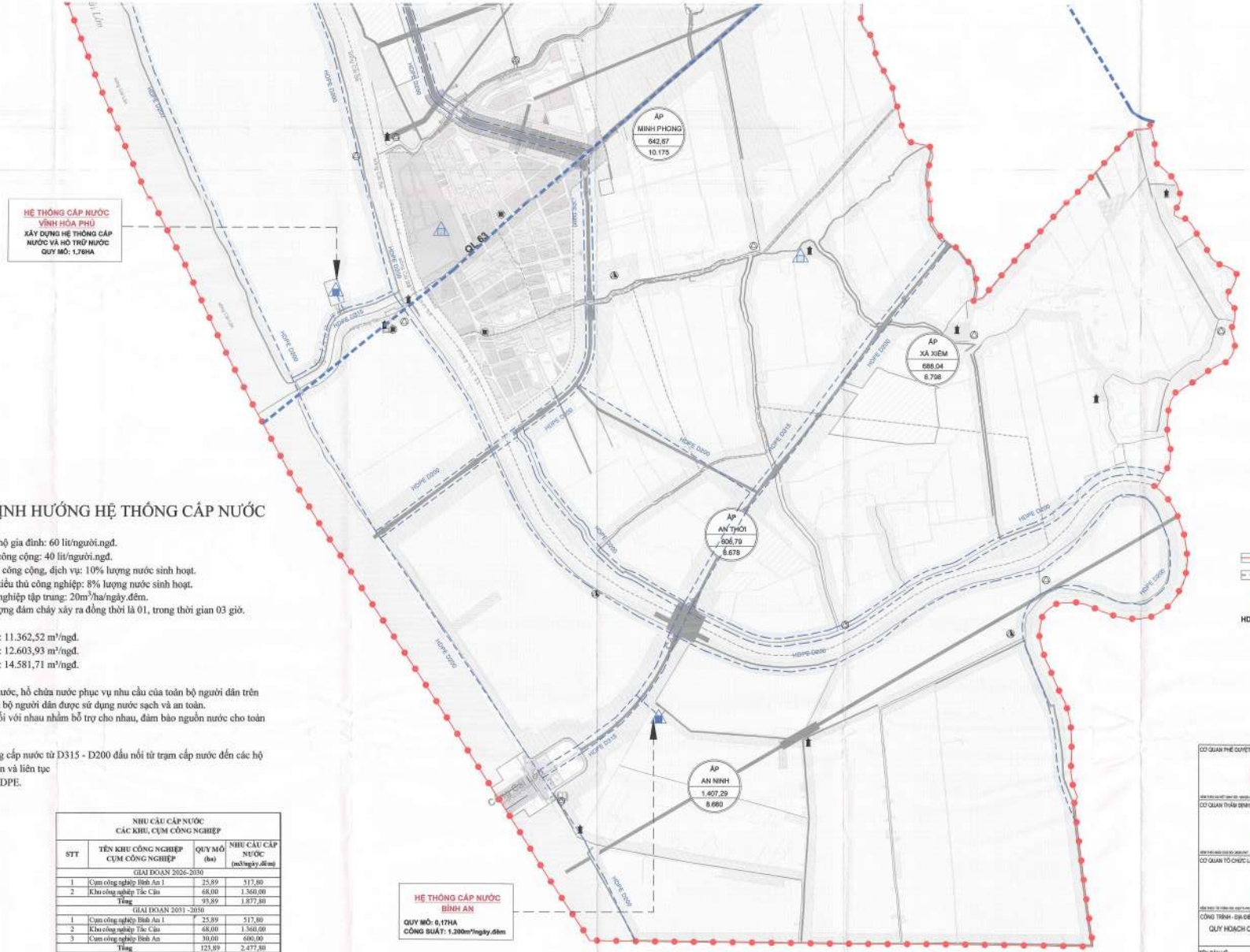

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

1. Chỉ tiêu cấp nước
   - Cấp nước sinh hoạt đến hộ gia đình: 60 lít/người.ngđ.
   - Cấp nước đến vòi nước công cộng: 40 lít/người.ngđ.
   - Cấp nước cho công trình công cộng, dịch vụ: 10% lượng nước sinh hoạt.
   - Nước cho sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp: 8% lượng nước sinh hoạt.
   - Nước cho các khu công nghiệp tập trung: 20m³/ha/ngày.đêm.
   - Chữa cháy 15 lít/s, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời là 01, trong thời gian 03 giờ.
2. Nhu cầu cấp nước
   - Giai đoạn đến năm 2030: 11.362,52 m³/ngđ.
   - Giai đoạn đến năm 2035: 12.603,93 m³/ngđ.
   - Giai đoạn đến năm 2050: 14.581,71 m³/ngđ.
3. Nguồn cấp
   - Xây dựng các trạm cấp nước, hồ chứa nước phục vụ nhu cầu của toàn bộ người dân trên địa bàn xã. Đảm bảo cho toàn bộ người dân được sử dụng nước sạch và an toàn.
   - Các trạm cấp nước kết nối với nhau nhằm hỗ trợ cho nhau, đảm bảo nguồn nước cho toàn bộ người dân
4. Mạng lưới
   - Xây dựng mới đường ống cấp nước từ D315 - D200 đấu nối từ trạm cấp nước đến các hộ dân, đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục
   - Sử dụng ống cấp nước HDPE.

NHU CẦU CẤP NƯỚC CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

STT	TÊN KHU CÔNG NGHIỆP CỤM CÔNG NGHIỆP	QUY MÔ (ha)	NHU CẦU CẤP NƯỚC (m3/ngày.đêm)
GIAI ĐOẠN 2026-2030			
1	Cụm công nghiệp Bình An 1	25,89	517,80
2	Khu công nghiệp Tắc Cậu	68,00	1.360,00
Tổng		93,89	1.877,80
GIAI ĐOẠN 2031 -2050			
1	Cụm công nghiệp Bình An 1	25,89	517,80
2	Khu công nghiệp Tắc Cậu	68,00	1.360,00
3	Cụm công nghiệp Bình An	30,00	600,00
Tổng		123,89	2.477,80

TỔNG HỢP NHU CẦU DÙNG NƯỚC

STT	HẠNG MỤC	CHỈ TIÊU DÙNG NƯỚC	NHU CẦU CẤP NƯỚC TỪNG GIAI ĐOẠN		
			2030	2035	2050
1	Dân số		68.000(người)	72.000(người)	87.000(người)
2	Cấp nước cho sinh hoạt đến hộ gia đình	60/lít/người/ngày.đêm	68.000x60/1.000 = 4.080,00m3	72.000x60/1.000 = 4.320,00m3	87.000x60/1.000 = 5.220,00m3
3	Cấp nước đến vòi nước công cộng	40/lít/người/ngày.đêm	68.000x40/1.000 = 2.720,00m3	72.000x40/1.000 = 2.880,00m3	87.000x40/1.000 = 3.480,00m3
4	Cấp nước cho công trình công cộng, dịch vụ	10% lượng nước sinh hoạt	4.080,00x10% = 408.00m3	4.320,00x10% = 432,00m3	5.220,00x10% =522,00m3
5	Nước cho sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp	8% lượng nước sinh hoạt	4.080,00x8% = 326,40m3	4.320,00x8% = 345,60m3	5.220,00x8% =417,60m3
6	Nước cấp cho các khu công nghiệp tập trung	20m³/ha/ngày.đêm	93,89x20 = 1.877,80m3	123,89x20 = 2.477,80m3	123,89x20 = 2.477,80m3
7	Nước thất thoát, rò rỉ	15% tổng lượng nước	9.412,20x15% = 1.411,83m3	10.455,40x15% = 1.568,31m3	12.117,40x15% = 1.817,61m3
8	Nước cho bản thân nhà máy nước, trạm cấp nước	4% tổng lượng nước	9.412,20x4% = 376,49m3	10.455,40x4% = 418,22m3	12.117,40x4% = 484,70m3
9	Chữa cháy	15 lít/s, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời là 01, trong thời gian 03 giờ	15x3x60x60/1.000 = 162m3	15x3x60x60/1.000 = 162m3	15x3x60x60/1.000 = 162m3
TỔNG NHU CẦU DÙNG NƯỚC			11.362,52m3	12.603,93m3	14.581,71m3

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI XÃ
- ỐNG CẤP NƯỚC
- TRẠM CẤP NƯỚC HIỆN HỮU
- TRẠM CẤP NƯỚC XÂY MỚI
- HDPE D200 ĐƯỜNG KÍNH

A
B
C

A: TÊN ẤP

B: DIỆN TÍCH ẤP (HA)

C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NG)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN — CHỦ TỊCH — Nguyễn Thanh Luận

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN — TRƯỞNG PHÒNG — Đinh Phương

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN — TRƯỞNG PHÒNG — Đinh Phương

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC, TỶ LỆ 1/10.000

BẢN VẼ: QH-06	CHIỀU: 2 x A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NGÀY: 7/2026
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THỊ TỪ LỆ		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THỊ TỪ LỆ		
CHỦ NHIỆM	KTS. DANH TÍNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN MINH KHOA		
QL KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN MINH KHOA		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH: ĐẶNG MINH BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DSB KIÊN GIANG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC, TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000



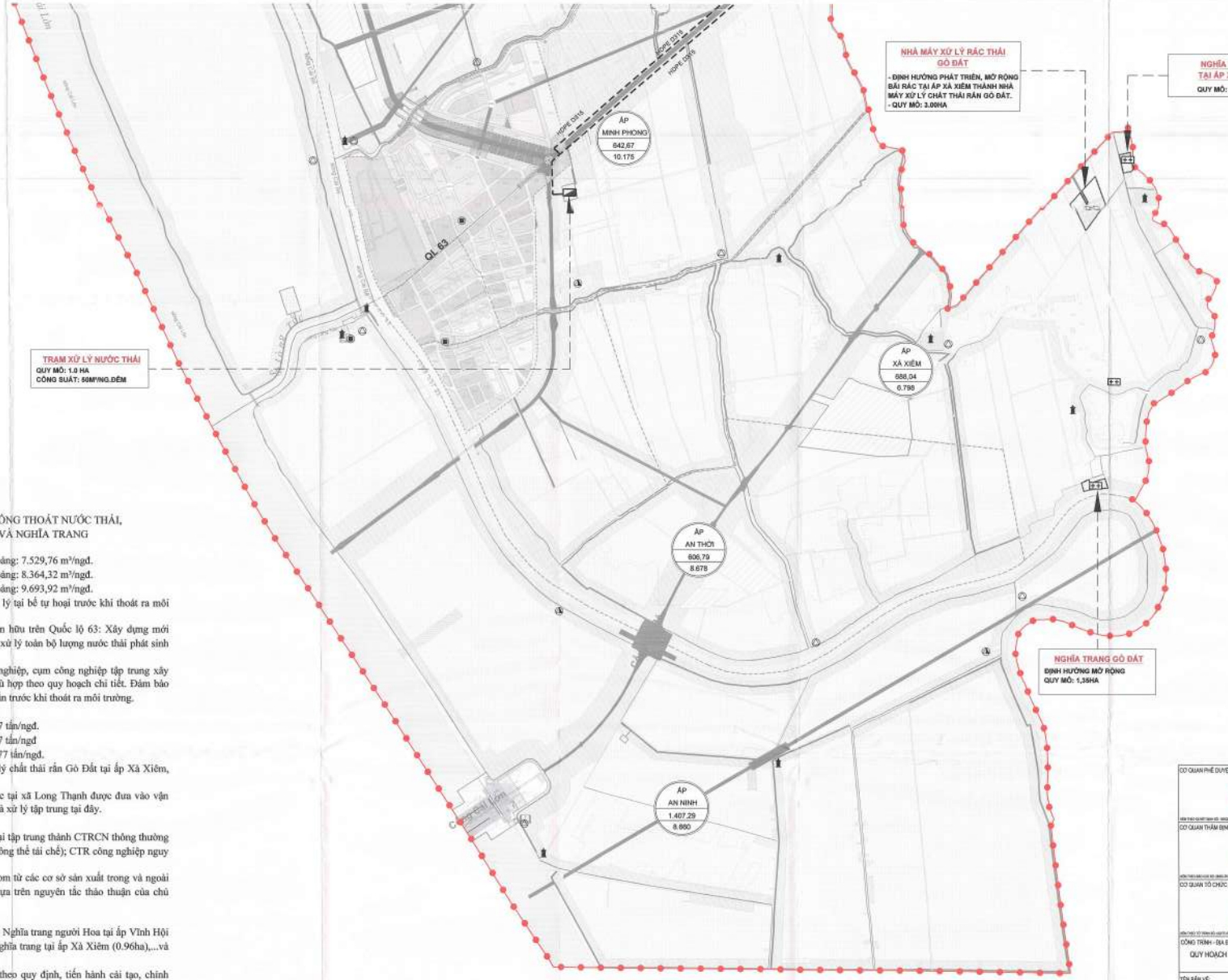

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI, QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ NGHĨA TRANG

1. Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải đến năm 2030 khoảng: 7.529,76 m³/ngđ.
- Tổng lưu lượng nước thải đến năm 2035 khoảng: 8.364,32 m³/ngđ.
- Tổng lưu lượng nước thải đến năm 2050 khoảng: 9.693,92 m³/ngđ.
- Tại khu vực nông thôn: Nước thải được xử lý tại bể tự hoại trước khi thoát ra môi trường
- Các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp hiện hữu trên Quốc lộ 63: Xây dựng mới trạm xử lý nước thải tập trung tại ấp Minh Phong, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh do hoạt động sản xuất gây ra.
- Tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung xây dựng mới: Xây dựng mới trạm xử lý nước thải phù hợp theo quy hoạch chi tiết. Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

2. Quản lý chất thải rắn (CTR)

- Tổng khối lượng rác thải 2030 khoảng: 82,57 tấn/ngđ.
- Tổng khối lượng rác thải 2035 khoảng: 94,77 tấn/ngđ
- Tổng khối lượng rác thải 2050 khoảng: 106,77 tấn/ngđ.
- Giai đoạn 2026-2030: Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn Gò Đất tại ấp Xà Xiêm, quy mô 3,0ha. Công suất 100-200 tấn/ngày.
- Giai đoạn 2031-2050: Sau khi khu xử lý rác tại xã Long Thạnh được đưa vào vận hành, rác thải tại xã Bình An sẽ được vận chuyển và xử lý tập trung tại đây.
- Đối với CTR công nghiệp:

+ Phân loại CTR tại nguồn và tại khu phân loại tập trung thành CTRCN thông thường (có khả năng tái chế, tái sử dụng và CTRCNTT không thể tái chế); CTR công nghiệp nguy hại.

+ Toàn bộ CTRCN thông thường được thu gom từ các cơ sở sản xuất trong và ngoài KCN, CCN và vận chuyển thẳng tới khu xử lý dựa trên nguyên tắc thỏa thuận của chủ nguồn thải và đơn vị xử lý.

3. Nghĩa trang

- Trên địa bàn xã hiện đã có 1 số nghĩa trang: Nghĩa trang người Hoa tại ấp Vĩnh Hội (2.96ha), nghĩa trang tại ấp Hoà Thuận (0,67ha), nghĩa trang tại ấp Xà Xiêm (0.96ha),...và một số nghĩa trang, nghĩa địa khác.
- Địa phương vận động người dân chôn cất theo quy định, tiến hành cải tạo, chỉnh trang các nghĩa trang nhằm đảm bảo nhu cầu chôn cất của người dân, vệ sinh môi trường. Mở rộng nghĩa trang Gò Đất tại ấp Xà Xiêm, quy mô khoảng 1.35ha.

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI XÃ
- CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- KHU XỬ LÝ CTR
- NGHĨA TRANG

A
B
C

A: TÊN ẤP
B: DIỆN TÍCH ẤP (HA)
C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NG)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN
Nguyễn Thanh Luận

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Danh Phương

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Danh Phương

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI, QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ NGHĨA TRANG, TỶ LỆ 1/10.000

BẢN VẼ: QH-09	QHCH: 2 x AD	TỶ LỆ: 1/10.000	NĂM: 7/2029	
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN THỊ TÚ LỆ			
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THỊ TÚ LỆ			
CHỦ NHIỆM	KTS. DANH TÍNH			
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN MINH KHOA			
QL KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN MINH KHOA			

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH:
BÙI MINH BẰNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DSB KIÊN GIANG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI, QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ NGHĨA TRANG, TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000



NHU CẦU THOÁT NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI RẮN CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

STT	TÊN KHU CÔNG NGHIỆP CỤM CÔNG NGHIỆP	QUY MÔ (ha)	LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI (m3/ngày đêm)	CHẤT THẢI RẮN (tấn)
GIAI ĐOẠN 2026-2030				
1	Cụm công nghiệp Bình An 1	25,89	414,24	7,77
2	Khu công nghiệp Tắc Cậu	68,00	1.088,00	20,40
Tổng		93,89	1.502,24	28,17
GIAI ĐOẠN 2031 -2050				
1	Cụm công nghiệp Bình An 1	25,89	414,24	7,77
2	Khu công nghiệp Tắc Cậu	68,00	1.088,00	20,40
3	Cụm công nghiệp Bình An	30,00	480,00	9,00
Tổng		123,89	1.982,24	37,17

TỔNG HỢP NHU CẦU THOÁT NƯỚC THẢI VÀ THU GOM CHẤT THẢI RẮN

STT	HẠNG MỤC	CHỈ TIÊU THOÁT NƯỚC THẢI, THU GOM CHẤT THẢI RẮN	NHU CẦU THOÁT NƯỚC THẢI VÀ THU GOM CHẤT THẢI RẮN TỪNG GIAI ĐOẠN		
			2030	2035	2050
I	**Thoát nước thải**				
1	Nước sinh hoạt		4.080,00m3	4.320,00m3	5.220,00m3
2	Nước thải sinh hoạt	≥ 80% lượng nước cấp	4.080,00x80% = 3.264,00m3	4.320,00x80% = 3.456,00m3	5.220,00x80% = 4.176,00m3
3	Nước thải vệ sinh công cộng	≥ 80% lượng nước cấp	2.720,00x80% = 2.176,00m3	2.880,40x80% = 2.304,00m3	3.480,00x80% = 2.784,00m3
4	Nước thải các công trình công cộng, dịch vụ	≥ 80% lượng nước cấp	408,00x80% = 326,40m3	432,00x80% = 345,60m3	522,00x80% = 417,60m3
5	Nước thải sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp	≥ 80% lượng nước cấp	326,40x80% = 261,12m3	345,60x80% = 276,48m3	417,60x80% = 334,08m3
6	Nước thải các khu công nghiệp tập trung	≥ 80% lượng nước cấp	1.877,80x80% = 1.502,24m3	2.477,80x80% = 1.982,24m3	2.477,80x80% = 1.982,24m3
	TỔNG CỘNG		**7.529,76m3**	**8.364,32m3**	**9.693,92m3**
II	**Chất thải rắn**				
1	Dân số		68.000(người)	72.000(người)	87.000(người)
2	Chất thải rắn sinh hoạt	0,8kg/người/ngày	68.000x0,8/1.000 = 54,40tấn	72.000x0,8/1.000 = 57,60tấn	87.000x0,8/1.000 = 69,60tấn
3	Chất thải rắn công nghiệp	0,3 tấn/ha	93,89x0,3 = 28,17tấn	123,89x0,3 = 37,17tấn	123,89x0,3 = 37,17tấn
4	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	≥ 80%	82,57x80% = 66,05tấn	94,77x80% = 75,81tấn	106,77x80% = 85,41tấn
	TỔNG CỘNG		**82,57tấn**	**94,77tấn**	**106,77tấn**

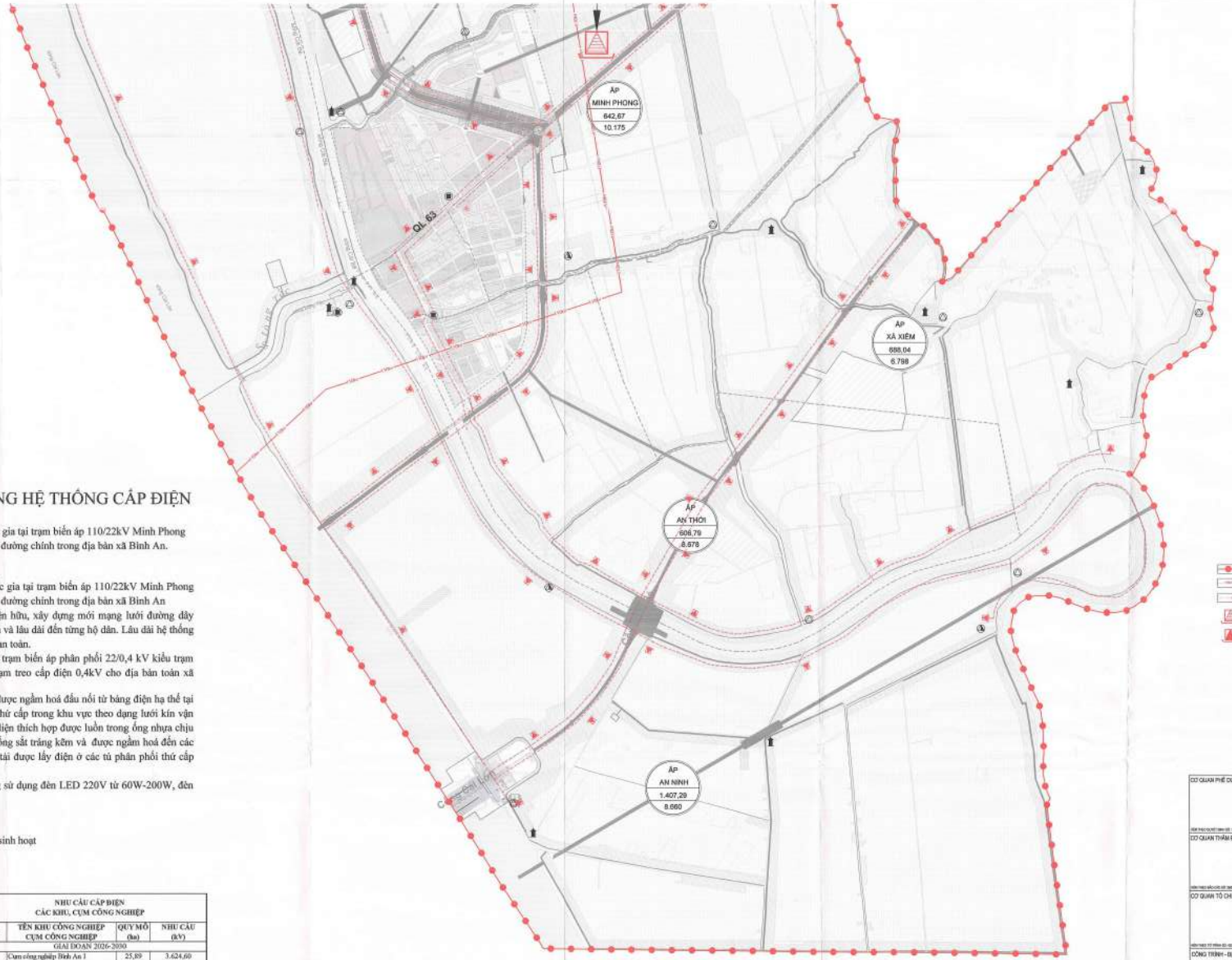

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN

1. Hiện trạng cấp điện:

- Nguồn điện được cấp từ nguồn điện Quốc gia tại trạm biến áp 110/22kV Minh Phong thông qua tuyến trung thế 22kV trên các tuyến đường chính trong địa bàn xã Bình An.

2. Giải pháp quy hoạch

a. Nguồn cấp điện và mạng lưới

- Nguồn điện được cấp từ nguồn điện Quốc gia tại trạm biến áp 110/22kV Minh Phong thông qua tuyến trung thế 22kV trên các tuyến đường chính trong địa bàn xã Bình An

- Cải tạo, nâng cấp lưới điện trung thế hiện hữu, xây dựng mới mạng lưới đường dây trung thế 22kV đảm bảo cung cấp điện ổn định và lâu dài đến từng hộ dân. Lâu dài hệ thống sẽ được ngầm hoá nhằm đảm bảo mỹ quan và an toàn.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 22/0,4 kV kiểu trạm phòng, trạm đơn thân, compact, trạm gián, trạm treo cấp điện 0,4kV cho địa bàn toàn xã Bình An.

- Xây dựng mới lưới điện hạ thế, lâu dài được ngầm hoá đấu nối từ báng điện hạ thế tại trạm biến áp phân phối đến các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực theo dạng lưới kín vận hành hở sử dụng cáp ngầm cách điện với tiết diện thích hợp được luồn trong ống nhựa chịu lực, các vị trí vượt đường giao thông sử dụng ống sắt tráng kẽm và được ngầm hoá đến các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực. Các phụ tải được lấy điện ở các tủ phân phối thứ cấp gần nhất, việc phân tải theo thực thế sử dụng.

- Cải tạo, xây dựng mạng lưới chiếu sáng sử dụng đèn LED 220V từ 60W-200W, đèn compact tiết kiệm điện.

C) Chỉ tiêu cấp điện

- Điện sinh hoạt: >150W/người
- Điện chiếu sáng công cộng: >15% điện sinh hoạt

NHU CẦU CẤP ĐIỆN CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

STT	TÊN KHU CÔNG NGHIỆP CỤM CÔNG NGHIỆP	QUY MÔ (ha)	NHU CẦU (kV)
GIAI ĐOẠN 2026-2030			
1	Cụm công nghiệp Bình An 1	25,89	3.624,60
2	Khu công nghiệp Tắc Cậu	68,00	9.520,00
Tổng		93,89	13.144,60
GIAI ĐOẠN 2031 - 2050			
1	Cụm công nghiệp Bình An 1	25,89	3.624,60
2	Khu công nghiệp Tắc Cậu	68,00	9.520,00
3	Cụm công nghiệp Bình An	30,00	4.200,00
Tổng		123,89	17.344,60

TỔNG HỢP NHU CẦU DÙNG ĐIỆN

STT	HẠNG MỤC	CHỈ TIÊU PHỤ TẢI ĐIỆN	NHU CẦU CẤP ĐIỆN TỪNG GIAI ĐOẠN		
			2030	2035	2050
1	Dân số		68.000(người)	72.000(người)	87.000(người)
2	Cấp điện sinh hoạt	≥ 150W/người	68.000x150/1.000 = 10.200,00kW	72.000x150/1.000 = 10.800,00kW	87.000x150/1.000 = 13.050,00kW
3	Cấp điện chiếu sáng công cộng	>15% nhu cầu điện sinh hoạt	10.200,00x30% = 3.060,00kW	10.800,00x30% = 3.240,00kW	13.050,00x30% = 3.915,00kW
4	Cấp điện cho khu, cụm công nghiệp	140kW/ha	93,89x140 = 13.144,60kW	123,89x140 = 17.344,60kW	123,89x140 = 17.344,60kW
5	Tổn thất điện năng	10% nhu cầu điện sinh hoạt	10.200,00x10% = 1.020,00kW	10.800,00x10% = 1.080,00kW	13.050,00x10% = 1.305,00kW
6	Điện năng dự phòng	5% nhu cầu điện sinh hoạt	10.200,00x5% = 510,00kW	10.800,00x5% = 540,00kW	13.050,00x5% = 652,50kW
TỔNG NHU CẦU			**27.934,60kW**	**33.004,60kW**	**36,267,10kW**

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI XÃ
- TUYẾN ĐIỆN CAO THẾ 110kV
- TUYẾN ĐIỆN TRUNG THẾ 22kV
- TRẠM BIẾN ÁP 110kV HIỆN HỮU
- TRẠM BIẾN ÁP 22/0,4kV CẢI TẠO, XÂY DỰNG MỚI

A
B
C

A: TÊN ẤP

B: DIỆN TÍCH ẤP (HA)

C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NG)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN — Nguyễn Thanh Luận

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN — TRƯỞNG PHÒNG — Danh Phương

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN — TRƯỞNG PHÒNG — Danh Phương

CÔNG TRÌNH – ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN, TỶ LỆ 1/10.000

BẢN VẼ: QH-10	GHÉP: 2 x A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NGÀY: 7/2024
THIẾT KẾ	KS. NGÔ KIM XUYÊN		
CHỦ TRÌ	KS. NGÔ KIM XUYÊN		
CHỦ NHIỆM	KTS. DANH TÍNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN MINH KHOA		
QL KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN MINH KHOA		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH: ĐẶNG MINH ĐẲNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DSB KIÊN GIANG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN, TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000



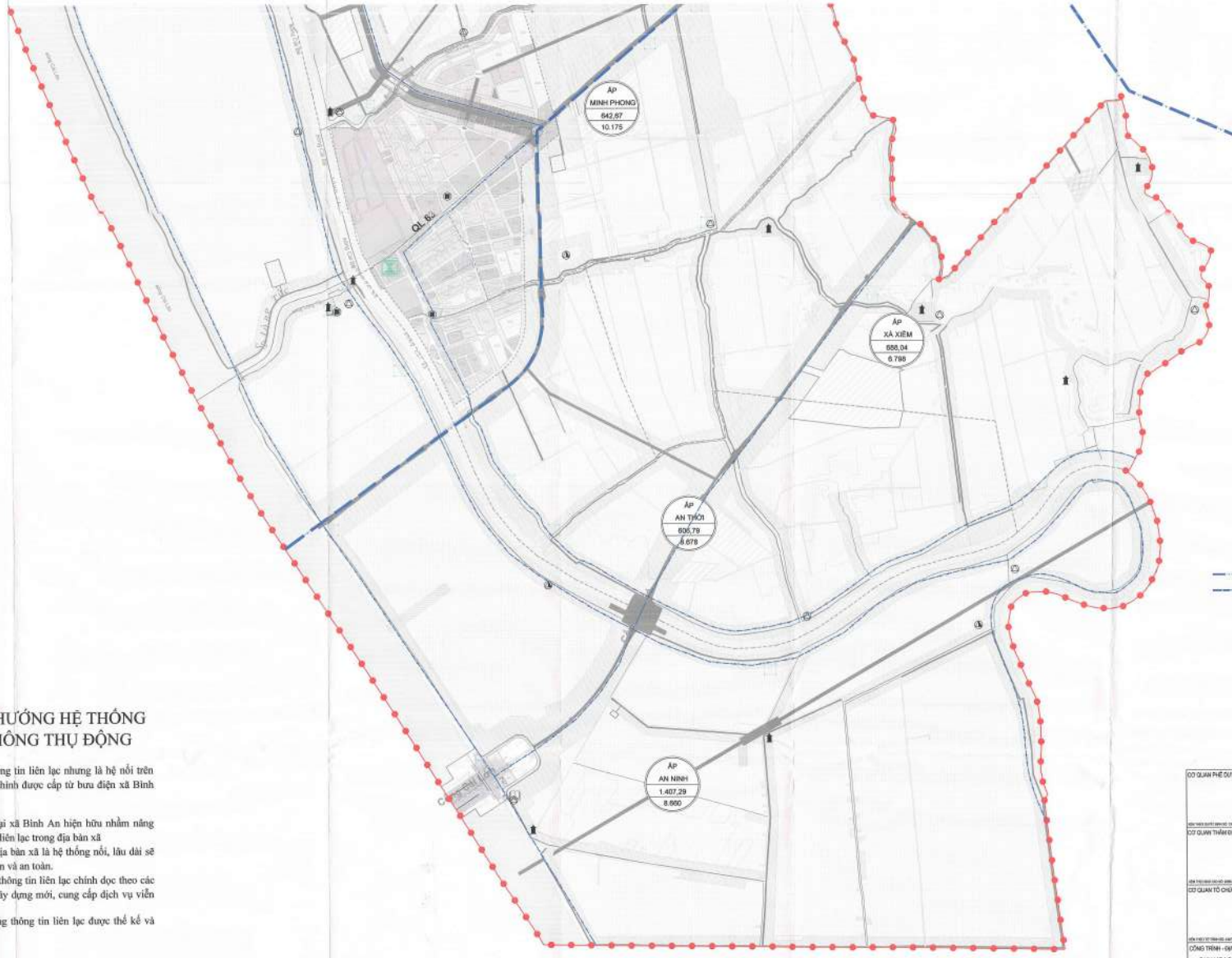

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

1. Hiện trạng:

- Hiện khu vực đã có hệ thống thông tin liên lạc nhưng là hệ nổi trên các cột, kém mỹ quan và chưa hoàn chỉnh được cấp từ bưu điện xã Bình An.

2. Giải pháp quy hoạch

- Cải tạo, nâng cấp các bưu điện tại xã Bình An hiện hữu nhằm nâng cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin liên lạc trong địa bàn xã
- Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn xã là hệ thống nổi, lâu dài sẽ được ngầm hoá nhằm đảm bảo mỹ quan và an toàn.
- Cải tạo, xây dựng mới các tuyến thông tin liên lạc chính dọc theo các trục đường đến các trạm viễn thông xây dựng mới, cung cấp dịch vụ viễn thông cho toàn bộ người dân
- Khu dân cư, đô thị mới: Hệ thống thông tin liên lạc được thế kế và xây dựng mới ngầm hoá.

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI XÃ
- CÁP VIỄN THÔNG NGOẠI VI
- CÁP VIỄN THÔNG XÂY MỚI, CẢI TẠO
- ĐIỂM BƯU CHÍNH HIỆN HỮU
- TRẠM PHÁT SÓNG HIỆN HỮU

A
B
C

A: TÊN ẤP

B: DIỆN TÍCH ẤP (HA)

C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NG)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Thanh Lade

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Dinh Phương

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Dinh Phương

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG, TỶ LỆ 1/10.000

BẢN VẼ: QH-11	CHIỀU: 2 x A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NĂM: 2026
THIẾT KẾ	KS. NGÔ KIM XUYÊN		
CHỦ TRÌ	KS. NGÔ KIM XUYÊN		
CHỦ NHIỆM	KTS. DANH TÍNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN MINH KHOA		
QL KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN MINH KHOA		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH:
ĐẶNG MINH ĐẲNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DSB KIÊN GIANG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG, TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000



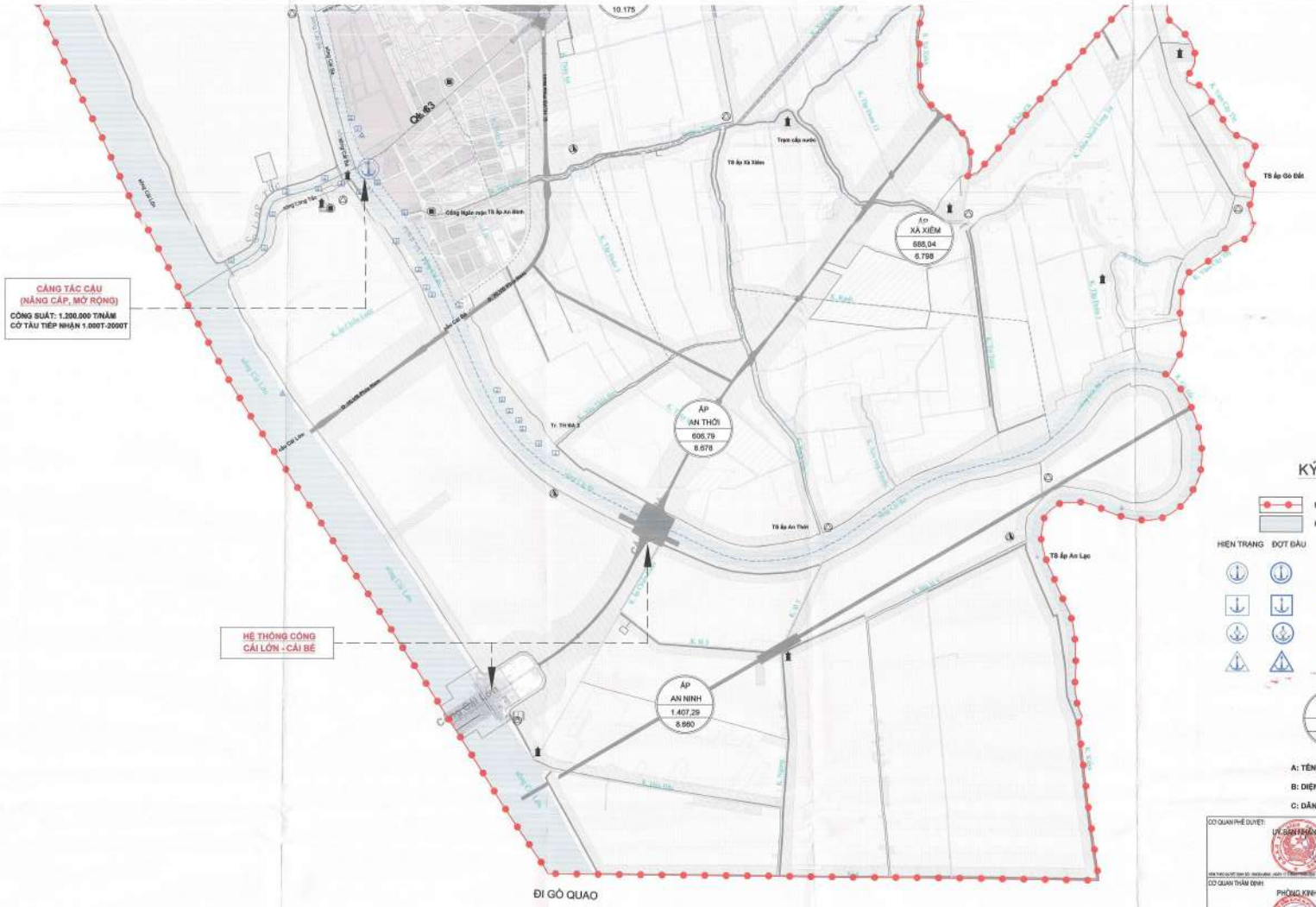

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI XÃ
- MẶT NƯỚC

HIỆN TRẠNG | ĐỢT ĐẦU | DÀI HẠN

- BẾN TỔNG HỢP
- BẾN HÀNG HOÁ
- BẾN PHÀ
- BẾN CHUYÊN DÙNG

A
B
C

A: TÊN ẤP

B: DIỆN TÍCH ẤP (HA)

C: DÂN SỐ NĂM 2050 (NG)

QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG
HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ SẢN XUẤT

1. Hệ thống giao thông phục vụ sản xuất:

- Xã có diện tích nông nghiệp lớn, do đó giao thông nội đồng cần được cứng hoá để đáp ứng nhu cầu sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp.

- Các tuyến đường phục vụ sản xuất trong xã kết hợp với nhu cầu dân sinh trong các điểm dân cư đạt tối thiểu từ cấp VI trở lên, mặt đường tối thiểu 5,5m theo định hướng phát triển của xã, cặp theo các kênh thuỷ lợi.

- Nâng cấp, mở rộng quy mô cảng Tắc Cậu. Đầu tư mới cảng tại Khu công nghiệp Tắc Cậu phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hoá.

2. Hệ thống thuỷ lợi phục vụ sản xuất

- Địa bàn xã Bình An có hệ thống kênh, rạch thuỷ lợi phục vụ sản xuất tương đối hoàn chỉnh, bao phủ toàn bộ xã. Các sông, kênh lớn ngoài phục vụ nhu cầu giao thông, vận tải đường thuỷ còn là nguồn cung cấp nước phục vụ sản xuất cho toàn bộ xã. Hệ thống sông, kênh, rạch này cần được phân bổ vốn hằng năm để tiến hành nạo vét đảm bảo nguồn nước cho nông nghiệp và thoát nước khi lũ về.

- Địa phương cần có kế hoạch báo cáo tình hình, cập nhật kế hoạch sản xuất nông nghiệp lên các cơ quan, đơn vị vận hành, khai thác các cống, đập ngăn mặn để có kế hoạch điều tiết phù hợp với nhu cầu sản xuất của người dân.



MẶT CẮT KÊNH THỦY LỢI VÀ GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
CHỦ TỊCH
UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN
Nguyễn Thanh Luận

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Đinh Phương

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
TRƯỞNG PHÒNG
Đinh Phương

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG
HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ SẢN XUẤT, TỶ LỆ 1/10.000

BẢN VẼ: QH-12	SHEET: 2 x A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NGÀY: 10/2024
THIẾT KẾ	KS. LÝ NHẬT NAM		
CHỦ TRÌ	KS. LÝ NHẬT NAM		
CHỦ NHIỆM	KTS. DANH TÍNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. NGUYỄN MINH KHOA		
QL KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN MINH KHOA		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH:
ĐẶNG MINH BẰNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DSB KIÊN GIANG

QUY HOẠCH CHUNG XÃ BÌNH AN, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ SẢN XUẤT, TỶ LỆ 1/10.000

TỶ LỆ 1/10.000

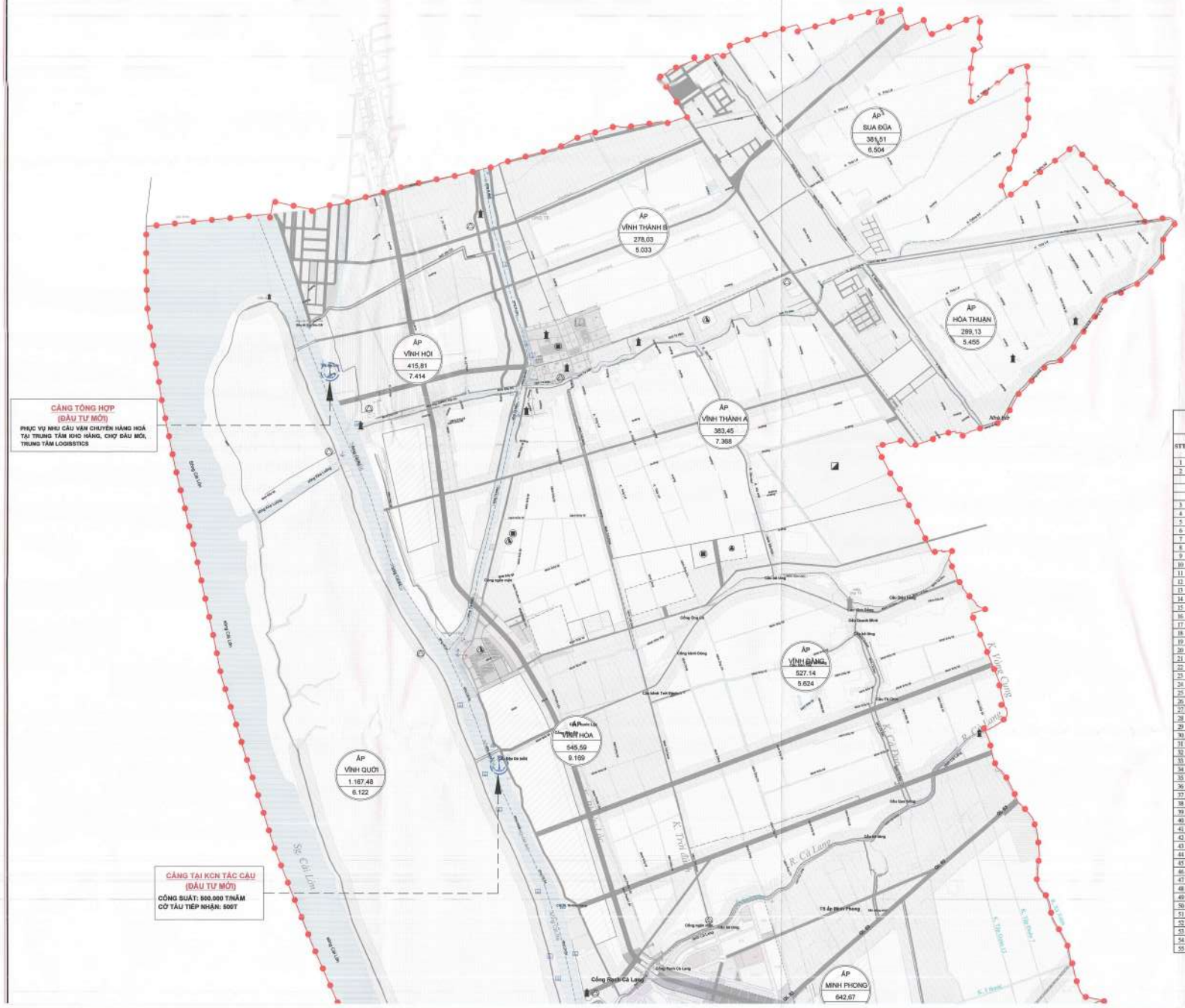

QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI SÔNG, KÊNH XÃ BÌNH AN

STT	Tên Sông, Kênh, Rạch	Chiều Dài (Km)	Chiều rộng (m)	Cấp kỹ thuật ĐTND
1	Sông cái Lớn	20,76	250-270	II
2	Sông Cái Bé - Rạch Khe Luông			
	Đoạn 1: Đoạn K. Thời Nổi - Ngã 3 Kênh Tắc Cậu	10,2	50-150	III
	Đoạn 2: Ngã 3 Kênh Tắc Cậu - Rạch Khe Luông)	5,6	50-150	II
	Đoạn 3: Ngã 3 sông Cái Bé - Ngã 3 sông Cái Lớn	1	50-150	II
3	Kênh Tà Niên	3,81	30-70	III
4	Kênh Long Tắc (Kênh Tắc Cậu)	1,21	10-24	II
5	Kênh Đập Đá	1,8	30-70	IV
6	Kênh Hậu Lô 5	3,61	8-13	
7	Kênh Tư	3,32	8-12	
8	Kênh Kiểm	3,33	10-30	
9	Kênh Xáng Mới	1,71	10-12	
10	Kênh Ngang	2,84	4-10	
11	Kênh Hào Dầu	1,02	8-12	
12	Kênh Lò 3	1,63	8-10	
13	Kênh Ấp Chiến Lược	1,09	4-8	
14	Kênh Vàm Cây Thị	3,19	10-14	
15	Kênh Chùa Cũ	1,68	4-6	
16	Kênh chùa Minh Long Tự	1,26	5-12	
17	Rạch Cò Lạn	1,86	8-20	
18	Kênh Tập Đoàn 1	1,54	10-12	
19	Kênh 5 Ấp	1,65	4-10	
20	Kênh Tư Tăng	3,47	5-12	
21	Kênh Xẻo Ông Xuyến	1,42	3-12	
22	Kênh Chùa Mới	1,85	6-25	
23	Kênh Ranh (Thuộc Ấp Xà Xiêm và Ấp An Thới)	1,62	6-10	
24	Kênh Rạch Góc	1,81	10-30	
25	Kênh Xẻo Thầy (Thuộc Ấp An Bình và Ấp An Thới)	1,58	6-10	
26	Kênh Vàm Cây Thị	3,3	12-30	
27	Kênh Tập Đoàn 13	2,81	4-8	
28	Kênh Thủy Lợi (thuộc ấp An Bình và An Thới)	2,3	5-10	
29	Kênh Hai Lộc	1,82	6-10	
30	Kênh Ấp Chiến Lược	0,58	7-8	
31	Kênh Tập Đoàn 7	1,5	5-8	
32	Rạch Sóc Trăm	2,4	8-27	
33	Kênh Tập Đoàn 13	2,6	3-9	
34	Kênh Sông Mốc	1,4	9-12	
35	Kênh Thủy Lợi (thuộc ấp An Phước)	0,75	4-9	
36	Kênh Thủy Lợi (thuộc ấp Minh Phong)	0,87	6-6	
37	Kênh 5 Thước	2,1	8-15	
38	Rạch Xà Xiêm	3,36	4-14	
39	Kênh Tập Đoàn 7	1,3	4-5	
40	Kênh Bờ Bàng Vàng	0,81	3-12	
41	Rạch Cà Lang	3,7	5-11	
42	Kênh 2 Vinh	1	6-10	
43	Kênh Lò Than	1,4	3-13	
44	Rạch Tà Niên	6,9	12-24	
45	Rạch Xẻo Nhỏ	1,9	5-23	
46	Kênh Minh Lương	1,3	15-30	
47	Kênh Cường Đế	1,1	10-40	
48	Kênh Tà Bết	1,3	8-22	
49	Kênh Su Đũa	2	10-24	
50	Kênh Phước Lộc	3,2	10-17	
51	Kênh Trôi Đành	6,1	10-20	
52	Kênh Đông	2,1	4-10	
53	Kênh Ông Cò	2,7	7-20	
54	Kênh Cà Đao	2,5	10-22	
55	Kênh Xóm Việt	2,6	15-24	